




# Màn hình Dell UltraSharp 27 4K PremierColor—UP2720Q

## Hướng Dẫn Người Sử Dụng

Dòng máy: UP2720Q  
Dòng máy theo quy định: UP2720Qb



# Chú ý, thận trọng và cảnh báo

-  **LƯU Ý:** Thông tin **CHÚ Ý** cho biết thông tin quan trọng giúp bạn tận dụng tốt hơn máy tính của bạn.
-  **THẬN TRỌNG:** Thông tin **THẬN TRỌNG** chỉ báo khả năng hư hại đến phần cứng hoặc mất dữ liệu nếu không làm theo các hướng dẫn.
-  **CẢNH BÁO:** Thông tin **CẢNH BÁO** chỉ báo tiềm ẩn bị hư hỏng tài sản, bị thương hoặc tử vong.

**Bản quyền © 2019 - 2020 Dell Inc. Đã đăng ký bản quyền.** Sản phẩm này được bảo vệ bởi luật bản quyền và sở hữu trí tuệ Hoa Kỳ và quốc tế. Dell™ và logo Dell là thương hiệu của Dell Inc. tại Hoa Kỳ và/hoặc các nước khác. Thunderbolt™ và logo Thunderbolt™ là thương hiệu của Intel Corporation tại Hoa Kỳ và/hoặc các quốc gia khác. Tất cả các dấu hiệu và các tên khác được đề cập ở đây có thể là thương hiệu đã đăng ký của các công ty tương ứng.

2020 - 12

Rev. A01

# Nội dung

<b>Thông Tin Về Màn Hình Của Bạn</b> . . . . .	<b>6</b>
Thành phần trong hộp . . . . .	6
Tính Năng Sản Phẩm. . . . .	9
<b>Nhận Biết Các Bộ Phận Và Điều Khiển</b> . . . . .	<b>10</b>
Nhìn Từ Trước . . . . .	10
Nhìn Từ Sau . . . . .	11
Nhìn Từ Dưới . . . . .	12
<b>Thông Số Màn Hình</b> . . . . .	<b>14</b>
Thông Số Màn Hình Phẳng. . . . .	14
Thông Số Độ Phân Giải. . . . .	16
Chế độ video được hỗ trợ . . . . .	16
Chế độ hiển thị cài sẵn . . . . .	16
Chế độ Truyền Phát Đa Luồng (MST) . . . . .	17
Thông Số Điện . . . . .	18
Đặc Điểm Vật Lý. . . . .	19
Đặc điểm vật lý (Tiếp theo) . . . . .	20
Chỉ Định Chân . . . . .	21
<b>Khả Năng Cắm và Chạy</b> . . . . .	<b>23</b>
<b>Giao Diện Cổng Kết Nối Đa Dạng (USB)</b> . . . . .	<b>23</b>
Đầu Nối USB Kết Nối Thiết Bị Ngoại Vi . . . . .	24
Đầu nối Thunderbolt™ 3 . . . . .	24
Cổng USB. . . . .	25
<b>Chính Sách Điểm Ảnh Và Chất Lượng Màn Hình LCD</b> . . . . .	<b>25</b>
<b>Hướng Dẫn Bảo Trì</b> . . . . .	<b>26</b>
Vệ Sinh Màn Hình. . . . .	26



<b>Lắp Màn Hình</b> .....	<b>27</b>
<b>Lắp Chân Đế</b> .....	<b>27</b>
<b>Gắn Khung che màn hình</b> .....	<b>30</b>
<b>Kết Nối Màn Hình Của Bạn</b> .....	<b>31</b>
<b>Kết nối cáp HDMI</b> .....	<b>32</b>
<b>Kết nối cáp DisplayPort (DP sang DP)</b> .....	<b>33</b>
<b>Kết nối cáp Thunderbolt™ 3 Active</b> .....	<b>33</b>
<b>Kết nối màn hình có chức năng Truyền Phát Đa Luồng Thunderbolt™ (MST)</b> .....	<b>34</b>
<b>Kết nối cáp USB Type-C vào Type-A</b> .....	<b>35</b>
<b>Quản Lý Cáp Của Bạn</b> .....	<b>36</b>
<b>Tháo Chân Đế Màn Hình</b> .....	<b>37</b>
<b>Giá Đỡ Treo Tường (Tùy Chọn)</b> .....	<b>38</b>
<b>Sử Dụng Màn Hình</b> .....	<b>39</b>
<b>Bật Nguồn Màn Hình</b> .....	<b>39</b>
<b>Sử Dụng Điều Khiển Trên Bảng Điều Khiển Trước</b> .....	<b>39</b>
<b>Nút Bảng Điều Khiển Phía Trước</b> .....	<b>41</b>
<b>Sử Dụng Menu Hiển Thị Trên Màn Hình (OSD)</b> .....	<b>42</b>
<b>Truy Cập Hệ Thống Menu</b> .....	<b>42</b>
<b>Thông Báo Cảnh Báo OSD</b> .....	<b>62</b>
<b>Cài Đặt Độ Phân Giải Tối Đa</b> .....	<b>66</b>
<b>Thực hiện hiệu chuẩn màu</b> .....	<b>67</b>
<b>Sử dụng menu OSD</b> .....	<b>67</b>
<b>Sử dụng Phím tắt với tín hiệu video</b> .....	<b>68</b>
<b>Sử dụng Phím tắt không có tín hiệu video</b> .....	<b>69</b>
<b>Dừng quá trình hiệu chuẩn</b> .....	<b>70</b>
<b>Thực hiện xác thực màu</b> .....	<b>71</b>
<b>Sử dụng menu OSD</b> .....	<b>71</b>
<b>Sử dụng phím tắt không có tín hiệu video</b> .....	<b>72</b>
<b>Dừng Quá trình xác thực</b> .....	<b>73</b>





Sử dụng Nghiêng, Xoay và Kéo Thẳng . . . . .	74
Nghiêng, Xoay . . . . .	74
Kéo Thẳng . . . . .	75
Xoay màn hình . . . . .	75
<b>Khắc phục sự cố . . . . .</b>	<b>77</b>
Tự kiểm tra . . . . .	77
Chẩn đoán tích hợp . . . . .	78
Sạc Luôn bật USB Type-C (Thunderbolt™) . . . . .	79
Các vấn đề phổ biến . . . . .	80
Vấn Đề Cụ Thể Theo Sản Phẩm . . . . .	83
Vấn Đề Cụ Thể Với Cổng Kết Nối Đa Dụng (USB) . . . . .	85
<b>Phụ lục . . . . .</b>	<b>88</b>
Thông Báo FCC (Chỉ U.S) Và Thông Tin Quy Định Khác . . . . .	88
Liên hệ với Dell . . . . .	88
Cơ sở dữ liệu bảng thông tin sản phẩm và nhãn năng lượng của sản phẩm EU . . . . .	88
Hỗ trợ video và USB qua USB-C . . . . .	89
Mua cáp Thunderbolt™ 3 Passive . . . . .	90

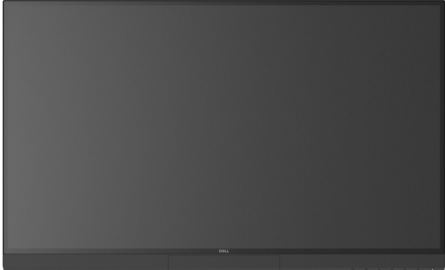



# Thông Tin Về Màn Hình Của Bạn

## Thành phần trong hộp

Màn hình của bạn có các phụ kiện đi kèm được nêu dưới đây. Đảm bảo bạn nhận được tất cả các phụ kiện và [Liên hệ với Dell](#) kiểm tra xem có phần nào bị thiếu không.



-  **LƯU Ý: Một số phụ kiện có thể là tùy chọn và có thể không được giao kèm với màn hình của bạn. Một số tính năng hoặc nội dung đa phương tiện có thể không có ở một số nước.**
-  **LƯU Ý: Để lắp với chân đế khác, hãy tham khảo hướng dẫn lắp đặt chân đế tương ứng để được hướng dẫn lắp đặt.**

	Màn hình
	Bộ nâng chân đế



	<p>Bộ chân đế</p>
	<p>Khung che màn hình</p>
	<p>Cáp Nguồn (Khác nhau tùy theo quốc gia)</p>
	<p>Cáp HDMI</p>
	<p>Cáp DP (DP sang DP)</p>
	<p>Cáp Thunderbolt™ 3 (USB Type-C) Active</p>



	<p>Cáp USB Type-C vào Type-A</p>
	<ul style="list-style-type: none"><li>• Báo Cáo Hiệu Chuẩn Nhà Máy</li><li>• Bảng hiệu chuẩn và xác thực</li><li>• Hướng Dẫn Cài Đặt Nhanh</li><li>• Thông Tin An Toàn, Môi Trường Và Quy Định</li></ul>





## Tính Năng Sản Phẩm

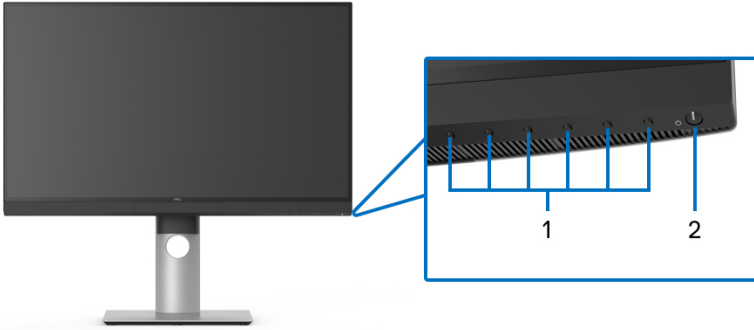
Màn hình phẳng **Dell UP2720Q** có Bán Dẫn Màng Mỏng (TFT), ma trận chủ động, Màn Hình Hiển Thị Tinh Thể Lỏng (LCD), và đèn nền LED. Tính năng màn hình gồm có:

- Vùng hiển thị nhìn được là 68,47 cm (27-inch) (đo chéo).  
Độ phân giải 3840 x 2160 (16:9), có thể hỗ trợ toàn màn hình cho độ phân giải thấp hơn.
- Góc nhìn rộng cho phép nhìn từ vị trí ngồi hoặc đứng.
- Gam màu của CIE1931 Adobe 100% và CIE1976 DCI-P3 98% với Delta E trung bình  $\leq 2$ .
- Hỗ trợ các nguồn HDMI, DP và Thunderbolt™ 3.
- Kết nối HDMI, DP, và Thunderbolt™ 3 hỗ trợ màu 10-bit ở 60 Hz.
- Một Thunderbolt™ 3 cấp nguồn (Lên tới 90 W) cho notebook tương thích trong khi tiếp nhận tín hiệu video và dữ liệu.
- Chức năng Hiệu chỉnh màu tích hợp.
- Khả năng vận chuyển đa luồng (MST) thông qua kết nối Thunderbolt™ 3.
- Nghiêng, xoay, xoay quanh trục và khả năng điều chỉnh kéo thẳng.
- Mép vát siêu mỏng làm giảm khoảng cách mép vát khi sử dụng đa màn hình, cho phép dễ dàng thiết lập để có trải nghiệm xem đẹp mắt.
- Chân đế tháo rời và lỗ lắp 100 mm theo quy định của Hiệp Hội Tiêu Chuẩn Điện Tử Video (VESA™) mang tới giải pháp lắp ráp linh hoạt.
- Khả năng cắm và chạy nếu được hệ thống của bạn hỗ trợ.
- Điều chỉnh được Hiển Thị Trên Màn Hình (OSD) để dễ dàng thiết lập và tối ưu hóa màn hình.
- Hỗ trợ Menu, nút Nguồn và Khóa màu thông qua OSD.
- Khe khóa an toàn.
- $\leq 0,3$  W trong Chế Độ Chờ.
- Hỗ trợ chế độ Chọn Picture by Picture (PBP).
- Tối ưu khả năng làm dịu mắt với màn hình không nhấp nháy.



# Nhận Biết Các Bộ Phận Và Điều Khiển

## Nhìn Từ Trước



Điều khiển trên bảng điều khiển phía trước

Nhãn	Mô tả
1	Nút chức năng (Để biết thêm thông tin, xem <a href="#">Sử Dụng Màn Hình</a> )
2	Nút Bật/Tắt nguồn (có chỉ báo đèn LED)



## Nhìn Từ Sau

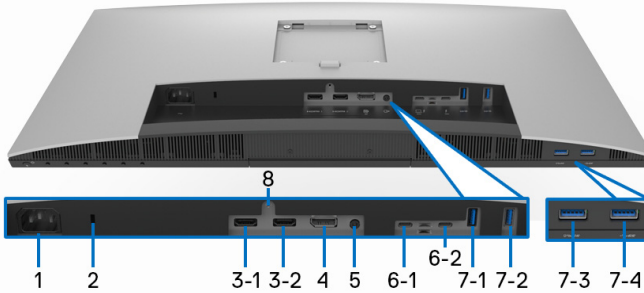


### Nhìn từ sau có và không có chân đế

Nhãn	Mô tả	Sử dụng
1	Lỗ lắp VESA (100 mm x 100 mm - Nắp VESA lắp phía sau)	Màn hình treo tường sử dụng bộ treo tường tương thích VESA (100 mm x 100 mm).
2	Nhãn quy định	Liệt kê các phê chuẩn theo quy định.
3	Nút nhả chân đế	Nhả chân đế khỏi màn hình.
4	Mã vạch, số sê-ri và nhãn Thẻ dịch vụ	Tham khảo nhãn này nếu bạn cần liên hệ với Dell để được hỗ trợ kỹ thuật.
5	Khe quản lý cáp	Sử dụng để quản lý dây cáp bằng cách đặt chúng vào qua khe.



## Nhìn Từ Dưới



Nhìn từ dưới không có chân đế

Nhãn	Mô tả	Sử dụng
1	Đầu nối nguồn AC	Kết nối cáp nguồn (đi kèm với màn hình của bạn).
2	Khe khóa an toàn	Giữ an toàn màn hình với khóa an toàn (không có kèm khóa an toàn).
3 (1, 2)	Đầu nối cổng HDMI	Kết nối máy tính với cáp HDMI.
4	Đầu nối vào DisplayPort	Kết nối máy tính với cáp DP.
5	Đường ra âm thanh	Kết nối với loa.*
6-1	Cổng kết nối máy tính Thunderbolt™ 3 (USB Type-C)	Kết nối cáp Thunderbolt™ 3 Active đi kèm với màn hình vào máy tính hoặc thiết bị di động. Cổng này hỗ trợ công nghệ cấp nguồn USB Power Delivery (Lên tới 90 W), Dữ liệu, và tín hiệu video DisplayPort. Cổng Thunderbolt™ 3 hỗ trợ Chế độ thay thế DP1.4 với độ phân giải tối đa 3840 x 2160 ở 60 Hz, PD 20 V/4.5 A, 15 V/3 A, 9 V/3 A, và 5 V/3 A.



		<p>Thunderbolt™ 3 hỗ trợ MST (Truyền Phát Đa Luồng). Để kích hoạt MST, xem hướng dẫn trên phần "<a href="#">Kết nối màn hình có chức năng Truyền Phát Đa Luồng Thunderbolt™ (MST)</a>".</p> <p><b>LƯU Ý:</b> Thunderbolt™ 3 không được hỗ trợ ở các phiên bản Windows trước Windows 10.</p>
<b>6-2</b>	Cổng Thunderbolt™ 3 kết nối thiết bị ngoại vi (USB Type-C)	<p>Kết nối cáp Thunderbolt™ 3 Active đi kèm với màn hình vào máy tính, thiết bị di động, màn hình thứ hai hoặc thiết bị Thunderbolt™ khác. Cổng này hỗ trợ công nghệ cấp nguồn USB Power Delivery (Lên tới 15 W, PD 5 V/3 A), Dữ liệu, và tín hiệu video DisplayPort.</p> <p>Thunderbolt™ 3 hỗ trợ MST (Truyền Phát Đa Luồng). Để kích hoạt MST, xem hướng dẫn trên phần "<a href="#">Kết nối màn hình có chức năng Truyền Phát Đa Luồng Thunderbolt™ (MST)</a>".</p> <p><b>LƯU Ý:</b> Đối với Notebook và các thiết bị khác cần công suất lớn hơn 15 W, nên kết nối với nguồn điện khác để cấp nguồn hoặc sạc thiết bị của bạn.</p> <p><b>LƯU Ý:</b> Thunderbolt™ 3 không được hỗ trợ ở các phiên bản Windows trước Windows 10.</p>
<b>7 (1, 2)</b>	Cổng kết nối thiết bị ngoại vi USB 3.2 Gen2	Kết nối thiết bị USB. Bạn chỉ có thể sử dụng đầu nối này sau khi đã kết nối cáp USB vào máy tính.**
<b>7-3</b>	Cổng USB 3.2 Gen 1 kết nối thiết bị ngoại vi có sạc nguồn	Kết nối để sạc thiết bị của bạn.
<b>7-4</b>	Cổng kết nối thiết bị ngoại vi USB 3.2 Gen1	Kết nối thiết bị USB. Bạn chỉ có thể sử dụng đầu nối này sau khi đã kết nối cáp USB vào máy tính.**
<b>8</b>	Tính năng khóa chân đế	Đặt khóa chân đế với màn hình, sử dụng vít M3 x 6mm (vít không được đi kèm).

\* Sử dụng tai nghe không được hỗ trợ cho đầu nối ra đường âm thanh.




\*\* Để tránh nhiễu tín hiệu, khi thiết bị USB không dây đã được kết nối vào cổng USB kết nối thiết bị ngoại vi, KHÔNG khuyến khích kết nối bất kỳ thiết bị USB nào khác vào (các) cổng ở gần.

## Thông Số Màn Hình

### Thông Số Màn Hình Phẳng

<b>Kiểu</b>	<b>UP2720Q</b>
Kiểu màn hình	Ma trận chủ động - TFT LCD
Công nghệ màn hình	Loại In-Plane Switching
Tỷ lệ khung hình	16:9
Hình ảnh xem được	
Chéo	684,7 mm (27 in.)
Vùng Hoạt Động, Ngang	596,74 mm (23,49 in.)
Vùng Hoạt Động, Dọc	335,66 mm (13,21 in.)
Diện tích	200301 mm <sup>2</sup> (310,47 in. <sup>2</sup> )
Khoảng cách điểm ảnh	0,1554 mm x 0,1554 mm
Điểm ảnh mỗi inch	163
Góc nhìn	Thông thường 178° (dọc) Thông thường 178° (ngang)
Công suất chiếu sáng	250 cd/m <sup>2</sup> (thông thường)
Tỷ lệ tương phản	1300 đến 1 (thông thường)
Lớp phủ bề mặt	Chống lóa với lớp phủ cứng 3H
Đèn nền	Hệ thống đèn mép LED trắng
Thời gian phản hồi	<ul style="list-style-type: none"><li>• 6 ms xám đến xám ở Chế độ <b>Fast (Nhanh)</b></li><li>• 8 ms xám đến xám ở Chế độ <b>Normal (Bình thường)</b></li><li>• 14 ms xám đến xám ở Chế độ <b>Off (Tắt)</b></li></ul>
Độ sâu màu	1,07 tỷ màu (10 bit thực)



Gam màu	CIE1931 Adobe 100% CIE1976 DCI-P3 98% CIE1976 BT.2020 80%
Độ chính xác hiệu chỉnh	Delta E $\leq$ 2 (trung bình) <b>LƯU Ý:</b> Chỉ dành cho CIE1931 Adobe 100% và CIE1976 DCI-P3 98%.
Kết nối	<ul style="list-style-type: none"> <li>• 1 x DP 1.4 (HDCP 2.2)</li> <li>• 2 x HDMI 2.0 (HDCP 2.2)</li> <li>• 1 x Cổng kết nối máy tính Thunderbolt™ 3 (DP1.4)</li> <li>• 1 x Cổng kết nối thiết bị ngoại vi Thunderbolt™ 3 (DP1.4)</li> <li>• 2 x Cổng kết nối thiết bị ngoại vi USB 3.2 Gen2</li> <li>• 2 x Cổng kết nối thiết bị ngoại vi USB 3.2 Gen1 (1 x BC1.2 khả năng sạc ở 2 A (tối đa))</li> </ul>
Độ rộng viền (mép màn hình đến vùng hoạt động)	7,6 mm (Trên cùng) 7,6 mm (Trái/Phải) 27,1 mm (Dưới)
Khả năng điều chỉnh	
Chân chỉnh chiều cao	130 mm
Nghiêng	-5° đến 21°
Khớp xoay	-45° đến 45°
Trục	-90° đến 90°
 <b>LƯU Ý:</b> Không gắn ngược hướng ngang (180°) vì nó có thể làm hỏng màn hình.	
Tương Thích Dell Display Manager (DDM)	Có
An ninh	Khe khóa bảo mật (khóa cấp bán riêng)



## Thông Số Độ Phân Giải

Kiểu	UP2720Q
Phạm vi quét ngang (Chế độ thay thế HDMI & DP & Thunderbolt™ 3)	15 kHz đến 135 kHz (tự động)
Phạm vi quét dọc (Chế độ thay thế HDMI & DP & Thunderbolt™ 3)	23 Hz đến 86 Hz (tự động)
Độ phân giải cài đặt sẵn tối đa	3840 x 2160 ở 60 Hz

## Chế độ video được hỗ trợ

Kiểu	UP2720Q
Khả năng phát video (phát HDMI)	480p, 576p, 720p, 1080i, 1080p, QHD, UHD (Chế độ xen kẽ không được hỗ trợ trong chế độ PBP)

## Chế độ hiển thị cài sẵn

Chế độ Hiển thị	Tần số quét ngang (kHz)	Tần số quét dọc (Hz)	Đồng Hồ Điểm Ảnh (MHz)	Cực Đồng Bộ (Ngang/ Dọc)
VESA, 640 x 480	31,5	59,9	25,2	-/-
VESA, 640 x 480	37,5	75,0	31,5	-/-
VESA, 720 x 400	31,5	70,1	28,3	-/+
VESA, 800 x 600	37,9	60,3	40,0	+/+
VESA, 800 x 600	46,9	75,0	49,5	+/+
VESA, 1024 x 768	48,4	60,0	65,0	-/-
VESA, 1024 x 768	60,0	75,0	78,8	+/+
VESA, 1152 x 864	67,5	75,0	108,0	+/+






VESA, 1280 x 1024	64,0	60,0	108,0	+/+
VESA, 1280 x 1024	80,0	75,0	135,0	+/+
VESA, 1600 x 1200	75,0	60,0	162,0	+/+
VESA, 1920 x 1080	67,5	60,0	148,5	+/+
VESA, 2048 x 1280 - R	78,9	59,9	174,3	+/-
VESA, 2048 x 1440 - R	88,8	60,0	241,5	+/-
VESA, 3840 x 2160*	133,3	60,0	533,3	+/-
VESA, 3840 x 2160**	135	60,0	594	+/-
2560 x 1440	88,787	59,951	241,55	+/-
2048 x 1080	27,0	24,0	74,25	+/-
2048 x 1080	54,0	48,0	148,5	+/-

\* Yêu cầu card đồ họa hỗ trợ DP.

\*\* Yêu cầu card đồ họa hỗ trợ HDMI 2.0.

### Chế độ Truyền Phát Đa Luồng (MST)

Nguồn MST Màn hình, máy quan sát	Số lượng tối đa màn hình bên ngoài có thể được hỗ trợ
3840 x 2160 ở 60 Hz	1

 **LƯU Ý:** Sử dụng các loại cáp đi kèm với màn hình cho kết nối Truyền tải đa luồng (MST) Thunderbolt™. Xem [Kết nối màn hình có chức năng Truyền Phát Đa Luồng Thunderbolt™ \(MST\)](#) để biết thông tin về kết nối.



## Thông Số Điện

Kiểu	UP2720Q
Tín hiệu vào video	HDMI 2.0*/DP 1.4, 600 mV cho mỗi đường vi sai, 100 ohm trở kháng vào cho mỗi cặp vi sai.
Điện áp AC/tần số/dòng điện vào	100 VAC đến 240 VAC / 50 Hz hoặc 60 Hz $\pm$ 3 Hz / 2,8 A (thông thường)
Điện khởi động	<ul style="list-style-type: none"><li>• 120 V: 40 A (Tối đa) ở 0 °C (khởi động nguội)</li><li>• 240 V: 80 A (Tối đa) ở 0 °C (khởi động nguội)</li></ul>
Tiêu thụ điện năng	<ul style="list-style-type: none"><li>• 0,2 W (Chế độ tắt)<sup>1</sup></li><li>• 0,2 W (Chế chờ)<sup>1</sup></li><li>• 32,0 W (Chế độ bật)<sup>1</sup></li><li>• 230 W (Tối đa)<sup>2</sup></li><li>• 38 W (Pon)<sup>3</sup></li><li>• 130,74 kWh (TEC)<sup>3</sup></li></ul>

\* Không hỗ trợ thông số kỹ thuật tùy chọn HDMI 2.0, bao gồm HDMI Ethernet Channel (HEC), Audio Return Channel (ARC), tiêu chuẩn cho định dạng 3D và độ phân giải, và chuẩn cho độ phân giải rạp chiếu phim kỹ thuật số 4K.

<sup>1</sup> Như quy định trong EU 2019/2021 và EU 2019/2013.

<sup>2</sup> Cài đặt độ sáng tối đa với tải nguồn tối đa ở mọi cổng USB.

<sup>3</sup> Pon: Mức tiêu thụ năng lượng của chế độ Bật được đo tham chiếu đến phương pháp thử nghiệm Energy Star.

TEC: Tổng mức tiêu thụ năng lượng tính bằng kWh được đo bằng tham chiếu đến phương pháp thử nghiệm Energy Star.

Tài liệu này chỉ cung cấp thông tin và thể hiện hiệu suất trong phòng thí nghiệm. Sản phẩm của bạn có thể thể hiện khác, tùy thuộc vào phần mềm, linh kiện và thiết bị ngoại vi mà bạn đặt hàng và không có nghĩa vụ phải cập nhật thông tin như vậy.

Theo đó, khách hàng không nên dựa vào thông tin này để đưa ra các quyết định về dung sai điện hoặc những quyết định khác. Không có bảo đảm công khai hay ngụ ý về tính chính xác hay đầy đủ.



## Đặc Điểm Vật Lý

Kiểu	UP2720Q
<b>Kiểu đầu nối</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>• 1 x DP 1.4</li><li>• 2 x HDMI 2.0</li><li>• 1 x Cổng kết nối máy tính Thunderbolt™ 3 (DP1.4)</li><li>• 1 x Cổng kết nối thiết bị ngoại vi Thunderbolt™ 3 (DP1.4)</li><li>• 2 x Cổng kết nối thiết bị ngoại vi USB 3.2 Gen2</li><li>• 2 x Cổng kết nối thiết bị ngoại vi USB 3.2 Gen1 (1 x BC1.2 khả năng sạc ở 2 A (tối đa))</li></ul>
<b>Kiểu cáp tín hiệu</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>• Kỹ thuật số: HDMI, 19 chân</li><li>• Kỹ thuật số: DisplayPort, 20 chân</li><li>• Kỹ thuật số: Thunderbolt™ 3, 24 chân</li><li>• Universal Serial Bus: USB Type-C vào Type-A</li></ul>
<b>LƯU Ý:</b> Màn hình Dell được thiết kế để hoạt động tối ưu với cáp video được vận chuyển cùng với màn hình. Vì Dell không có quyền kiểm soát các nhà cung cấp cáp khác nhau trên thị trường, loại vật liệu, đầu nối và quy trình được sử dụng để sản xuất các loại cáp này, Dell không kiểm tra hiệu suất video trên các cáp không được vận chuyển với màn hình Dell của bạn.	
<b>Kích thước (có chân đế)</b>	
Chiều cao (kéo dài)	563,4 mm (22,18 in.)
Chiều cao (thu gọn)	433,4 mm (17,06 in.)
Chiều rộng	611,9 mm (24,09 in.)
Chiều sâu	212,0 mm (8,35 in.)
<b>Kích thước (không có chân đế)</b>	
Chiều cao	376,8 mm (14,83 in.)
Chiều rộng	611,9 mm (24,09 in.)
Chiều sâu	51,0 mm (2,01 in.)



## Đặc điểm vật lý (Tiếp theo)

<b>Kích thước chân đế</b>	
Chiều cao (kéo dài)	456,3 mm (17,96 in.)
Chiều cao (thu gọn)	408,9 mm (16,10 in.)
Chiều rộng	260,0 mm (10,24 in.)
Chiều sâu	212,0 mm (8,35 in.)
<b>Trọng lượng</b>	
Trọng lượng gồm bao bì	14,14 kg (31,17 lb)
Trọng lượng gồm bộ chân đế và cáp	9,71 kg (21,41 lb)
Trọng lượng không có bộ chân đế (Để tham khảo khi lắp tường hoặc lắp VESA - không có cáp)	5,55 kg (12,24 lb)
Trọng lượng của bộ chân đế	3,64 kg (8,02 lb)
Độ bóng khung trước	2-4

## Đặc Tính Môi Trường

<b>Kiểu</b>	<b>UP2720Q</b>
<b>Tiêu Chuẩn Tương Thích</b>	
<ul style="list-style-type: none"><li>• Tuân thủ RoHS</li><li>• Màn hình chứng nhận TCO</li><li>• Không có BFR/PVC - (không có Halogen), trừ cáp bên ngoài</li><li>• Màn hình bằng kính không có thạch tín và thủy ngân</li></ul>	
<b>Nhiệt độ</b>	
Hoạt động	0 °C đến 40 °C (32 °F đến 104 °F)
Không hoạt động	<ul style="list-style-type: none"><li>• Bảo quản: -20 °C đến 60 °C (-4 °F đến 140 °F)</li><li>• Vận chuyển: -20 °C đến 60 °C (-4 °F đến 140 °F)</li></ul>
<b>Độ ẩm</b>	
Hoạt động	10% đến 90% (không ngưng tụ)
Không hoạt động	<ul style="list-style-type: none"><li>• Bảo quản: 10% đến 90% (không ngưng tụ)</li><li>• Vận chuyển: 10% đến 90% (không ngưng tụ)</li></ul>

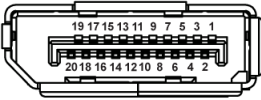


## Đặc điểm môi trường (Tiếp theo)

<b>Cao độ</b>	
Hoạt động	3.048 m (10.000 ft) (tối đa)
Không hoạt động	12.192 m (40.000 ft) (tối đa)
<b>Tản nhiệt</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>• 784,76 BTU/giờ (tối đa)</li><li>• 150,13 BTU/giờ (bình thường)</li></ul>

## Chỉ Định Chân

### Đầu nối DisplayPort

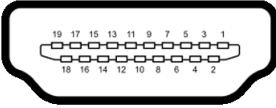


Số Chân	Mặt 20 Chân Của Cáp Tín Hiệu Kết Nối
1	ML3 (n)
2	GND
3	ML3 (p)
4	ML2 (n)
5	GND
6	ML2 (p)
7	ML1 (n)
8	GND
9	ML1 (p)
10	ML0 (n)
11	GND
12	ML0 (p)
13	GND
14	GND
15	AUX (p)
16	GND



17	AUX (n)
18	Phát Hiện Cấm Nóng
19	Re-PWR
20	+3,3 V DP_PWR

## Đầu nối HDMI



Số Chân	Mặt 19 Chân Của Cáp Tín Hiệu Kết Nối
1	DỮ LIỆU TMDS 2+
2	LỚP CHẮN DỮ LIỆU TMDS 2
3	DỮ LIỆU TMDS 2-
4	DỮ LIỆU TMDS 1+
5	LỚP CHẮN DỮ LIỆU TMDS 1
6	DỮ LIỆU TMDS 1-
7	DỮ LIỆU TMDS 0+
8	LỚP CHẮN DỮ LIỆU TMDS 0
9	DỮ LIỆU TMDS 0-
10	ĐỒNG HỒ TMDS+
11	LỚP CHẮN ĐỒNG HỒ TMDS
12	ĐỒNG HỒ TMDS-
13	CEC
14	Dự trữ (N.C. trên thiết bị)
15	ĐỒNG HỒ DDC (SCL)
16	DỮ LIỆU DDC (SDA)
17	DDC/CEC Nối đất
18	+5 V NGUỒN
19	PHÁT HIỆN CẤM NÓNG




## Khả Năng Cắm và Chạy


Bạn có thể cài đặt màn hình vào bất kỳ hệ thống nào tương thích với khả năng Cắm và Chạy. Màn hình sẽ tự cung cấp cho hệ thống máy tính Dữ Liệu Nhận Biết Hiển Thị Mở Rộng (EDID) sử dụng các giao thức Kênh Dữ Liệu Hiển Thị (DDC) để hệ thống có thể tự động cấu hình và tối ưu hóa các cài đặt màn hình. Hầu hết các cài đặt màn hình là tự động; bạn có thể chọn cài đặt khác nếu muốn. Để biết thêm thông tin về việc thay đổi cài đặt màn hình, xem [Sử Dụng Màn Hình](#).

## Giao Diện Cổng Kết Nối Đa Dụng (USB)

Phần này cung cấp cho bạn thông tin về các cổng USB có trên màn hình.

 **LƯU Ý:** Màn hình này tương thích USB 3.2 tốc độ cực nhanh.

Tốc Độ Truyền	Tốc Độ Dữ Liệu	Tiêu Thụ Điện*
Tốc độ rất nhanh	10 Gbps	4,5 W (Tối đa, mỗi cổng)
Tốc độ cao	480 Mbps	4,5 W (Tối đa, mỗi cổng)
Tốc độ đầy đủ	12 Mbps	4,5 W (Tối đa, mỗi cổng)

\* Lên đến 2 A trên cổng USB kết nối thiết bị ngoại vi (cổng có biểu tượng pin ) với các thiết bị tuân thủ BC1.2 hoặc các thiết bị USB bình thường.

Thunderbolt™ 3/ USB Type-C	Mô Tả
Video	DP1.2 (Cáp thụ động) DP1.4 (Cáp chủ động)
Dữ liệu	USB 2,0 USB 3.2 (Chủ động, chỉ Thunderbolt™ 3)
Power Delivery (PD)	Cổng kết nối máy tính Thunderbolt™ 3: Lên tới 90 W (thông thường) Cổng kết nối thiết bị ngoại vi Thunderbolt™ 3: Lên tới 15 W (thông thường)

 **LƯU Ý:** USB Type-C yêu cầu máy tính hỗ trợ Chế độ thay thế USB Type-C.



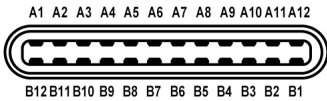
**LƯU Ý:** Để hỗ trợ Chế độ thay thế USB Type-C, đảm bảo máy tính nguồn có hỗ trợ Chế độ thay thế.

### Đầu Nối USB Kết Nối Thiết Bị Ngoại Vi



Số Chân	Mặt 9 Chân Của Đầu Nối
1	VCC
2	D-
3	D+
4	GND
5	SSRX-
6	SSRX+
7	GND
8	SSTX-
9	SSTX+

### Đầu nối Thunderbolt™ 3




Số Chân	Tên Tín Hiệu	Số Chân	Tên Tín Hiệu
A1	GND	B1	Phát hiện cáp
A2	TX1+	B2	TX2+
A3	TX1-	B3	TX2-
A4	VBUS	B4	VBUS
A5	CC1	B5	CC2
A6	D+	B6	D+
A7	D-	B7	D-







A8	SBU1	B8	SBU2
A9	VBUS	B9	VBUS
A10	RX2-	B10	RX1-
A11	RX2+	B11	RX1+
A12	GND	B12	GND

## Cổng USB

- 1 x Cổng Thunderbolt™ 3 kết nối thiết bị ngoại vi (tương thích USB Type-C) - Dưới
- 1 x Cổng kết nối máy tính Thunderbolt™ 3 (tương thích USB Type-C) - Dưới
- 2 x cổng USB 3.2 Gen2 kết nối thiết bị ngoại vi - Dưới
- 2 x cổng USB 3.2 Gen1 kết nối thiết bị ngoại vi - Dưới
- Cổng Nạp Nguồn - cổng có biểu tượng tia sét pin  ; hỗ trợ khả năng nạp điện nhanh, nếu thiết bị tương thích BC1.2.

 **LƯU Ý: Chức năng USB 3.2 đòi hỏi máy tính phải hỗ trợ USB 3.2.**

 **LƯU Ý: Các cổng USB của màn hình này chỉ hoạt động khi màn hình đang bật hoặc ở trong Chế độ chờ. Nếu bạn Tắt màn hình và sau đó Bật lại, các thiết bị ngoại vi kèm theo có thể mất một vài giây để khôi phục chức năng bình thường.**

## Chính Sách Điểm Ảnh Và Chất Lượng Màn Hình LCD

Trong quá trình sản xuất màn hình LCD, đôi khi có một hoặc nhiều điểm ảnh bị cố định ở một trạng thái không thay đổi, khó có thể nhìn thấy và không ảnh hưởng đến chất lượng hiển thị hoặc khả năng sử dụng. Để biết thêm thông tin về Chính Sách Điểm Ảnh Và Chất Lượng Màn Hình LCD, xem trang web Hỗ trợ Dell tại: <http://www.dell.com/support/monitors>.



# Hướng Dẫn Bảo Trì

## Vệ Sinh Màn Hình

△ **THẬN TRỌNG:** Đọc và làm theo **Hướng Dẫn Về An Toàn** trước khi vệ sinh màn hình.

⚠ **CẢNH BÁO:** Trước khi vệ sinh màn hình, rút cáp nguồn màn hình ra khỏi ổ điện.

Để biết cách làm tốt nhất, hãy làm theo các hướng dẫn trong danh sách dưới đây trong khi mở hộp, vệ sinh hoặc xử lý màn hình của bạn:

- Để vệ sinh màn hình chống tĩnh điện của bạn, nhúng nhẹ miếng vải mềm, sạch vào nước. Nếu có thể, sử dụng vải mỏng vệ sinh màn hình đặc biệt hoặc dung dịch phù hợp với lớp phủ chống tĩnh điện. Không sử dụng benzen, chất tẩy rửa, amoniac, chất tẩy rửa mài mòn, hoặc khí nén.
- Sử dụng vải nhúng nước ấm để vệ sinh màn hình. Tránh sử dụng bất cứ chất tẩy rửa nào do một số chất tẩy rửa để lại lớp màng trên màn hình.
- Nếu bạn thấy có lớp bột trắng khi mở hộp màn hình, hãy lau bằng miếng vải.
- Thao tác cẩn thận với màn hình do màn hình màu hơi tối có thể bị trầy xước và để lại vết trầy màu trắng có màu sáng hơn màu sáng của màn hình.
- Để giúp duy trì chất lượng hình ảnh tốt nhất trên màn hình, sử dụng hình nền bảo vệ màn hình tự động thay đổi và Tắt màn hình khi không sử dụng.



# Lắp Màn Hình

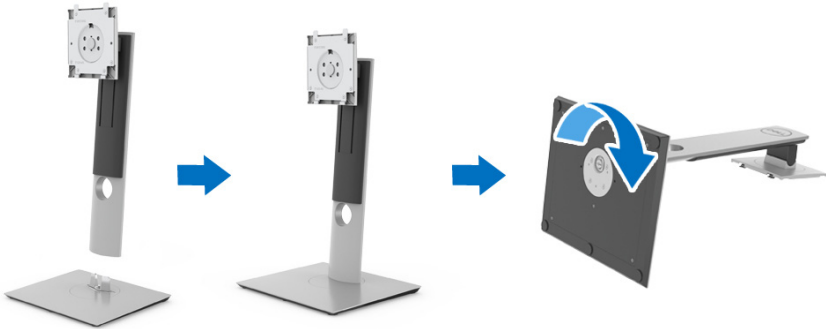
## Lắp Chân Đế

- ✎ **LƯU Ý:** Chân đế được tháo ra khi vận chuyển màn hình từ nhà máy.
- ✎ **LƯU Ý:** Việc này được áp dụng cho màn hình có chân đế. Khi mua chân đế loại khác, hãy tham khảo hướng dẫn lắp đặt chân đế tương ứng để biết hướng dẫn lắp đặt.

△ **THẬN TRỌNG:** Không tháo màn hình khỏi hộp đóng gói trước khi gắn chân đế.

Để lắp chân đế màn hình:

1. Làm theo hướng dẫn trên nắp thùng carton để tháo chân đế khỏi đệm trên giữ nó.
2. Lắp các phần bên chân đế vào hoàn toàn khe chân đế.
3. Nâng tay cầm vít lên và xoay vít theo chiều kim đồng hồ.
4. Sau khi siết chặt vít, gập tay cầm vít xuống trong phần thụt vào.



5. Nhấc nắp, như minh họa, để làm hở khu vực VESA để lắp bộ chân đế.



6. Gắn bộ chân đế vào màn hình.

- a. Lắp hai tab ở phần trên của chân đế vào rãnh phía sau màn hình.
- b. Ấn chân đế xuống cho đến khi nó khớp vào vị trí.



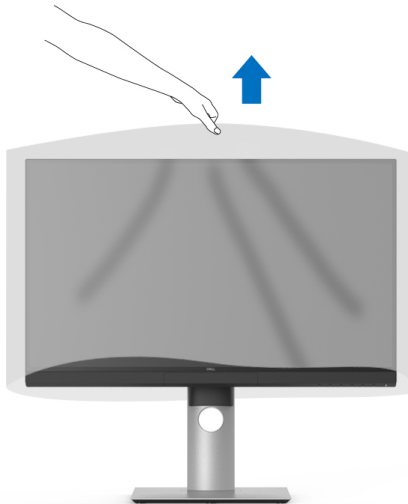
7. Đặt màn hình thẳng đứng.



✎ **LƯU Ý:** Nhấc màn hình cẩn thận để nó không bị trượt hoặc rơi.

△ **THẬN TRỌNG:** Không giữ hoặc nâng màn hình bằng khay đo màu khi di chuyển màn hình.

8. Tháo nắp khỏi màn hình.



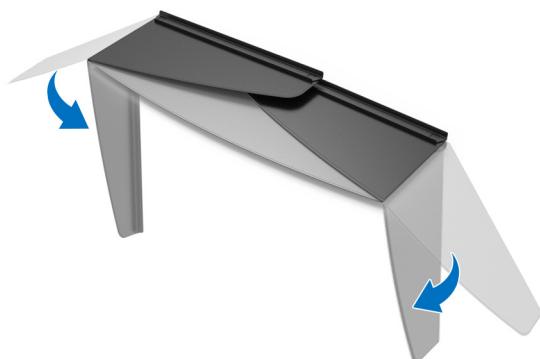
## Gắn Khung che màn hình

Để lắp Khung che màn hình:

1. Lấy khung che đi kèm với màn hình ra.



2. Mở khung che với các dải kênh chữ “U” trên cả hai cánh hướng vào trong.



3. Căn chỉnh phía màn hình bên trong dải kênh chữ “U”.



4. Trượt khung che xuống hết cỡ.



## Kết Nối Màn Hình Của Bạn

**⚠ CẢNH BÁO:** Trước khi bắt đầu bất kỳ quy trình nào trong phần này, hãy làm theo [Hướng Dẫn Về An Toàn](#).

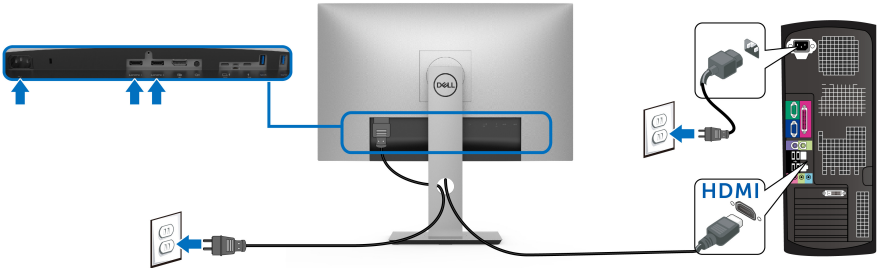
**📌 LƯU Ý:** Không kết nối tất cả các cáp vào máy tính cùng một lúc.

Để kết nối với màn hình của bạn với máy tính:









1. Tắt máy tính của bạn và ngắt kết nối cáp nguồn.
2. Kết nối cáp HDMI/DP/Thunderbolt™ 3 Active từ màn hình vào máy tính của bạn hoặc thiết bị.

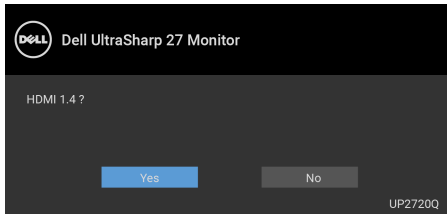


## Kết nối cáp HDMI



**LƯU Ý:** Cài đặt mặc định ra khỏi nhà máy của UP2720Q là HDMI 2.0. Nếu màn hình không hiển thị nội dung sau khi cáp HDMI được kết nối, làm theo các bước bên dưới để thay đổi cài đặt từ HDMI 2.0 sang HDMI 1.4:

- Nhấn nút thứ hai bên cạnh nút  để kích hoạt menu OSD.
- Sử dụng nút  và  để làm nổi bật **Input Source (Nguồn vào)**, sau đó sử dụng nút  để vào menu phụ.
- Sử dụng nút  và  để làm nổi bật **HDMI**.
- Nhấn và giữ nút  trong khoảng 10 giây, và thông báo cấu hình HDMI sẽ xuất hiện.
- Sử dụng nút  để chọn **Yes (Có)** và thay đổi cài đặt.

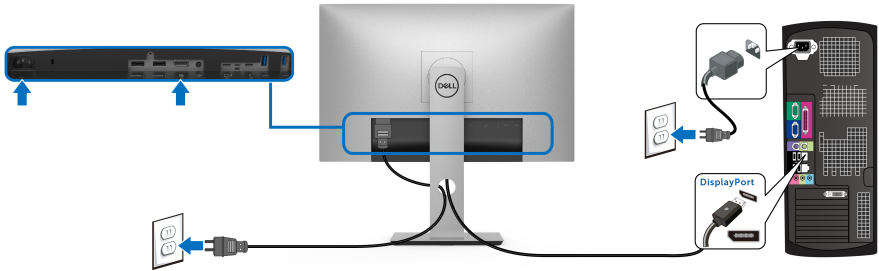


Lặp lại các bước trên để thay đổi cài đặt định dạng HDMI nếu cần.



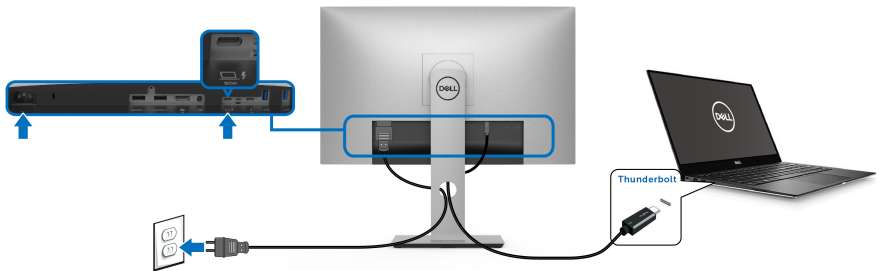


## Kết nối cáp DisplayPort (DP sang DP)



**LƯU Ý:** Cài đặt mặc định ra khỏi nhà máy của UP2720Q là DP 1.4.

## Kết nối cáp Thunderbolt™ 3 Active.



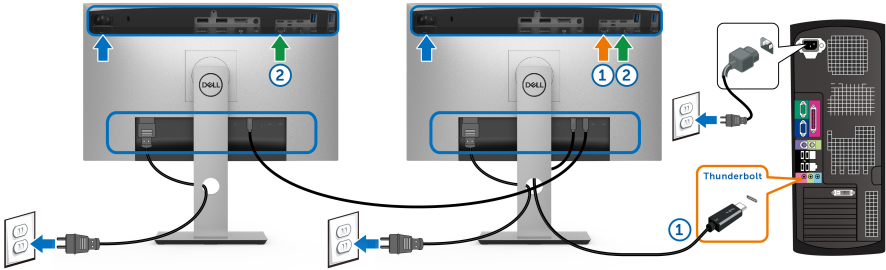
**LƯU Ý:** Chỉ dùng cáp Thunderbolt™ 3 Active được cung cấp kèm theo màn hình.

- Cổng này hỗ trợ DisplayPort Chế độ thay thế DP1.4.
- Cổng tuân thủ cấp nguồn Thunderbolt™ 3 (PD bản 3.0) cấp nguồn tới 90 W.
- Nếu notebook của bạn cần hơn 90 W để hoạt động được và pin bị hết, nó có thể không được cấp nguồn hoặc được sạc với cổng USB PD với UP2720Q.
- Thunderbolt™ 3 không được hỗ trợ ở các phiên bản Windows trước Windows 10.

**LƯU Ý:** Màn hình UP2720Q được trang bị cáp USB-C Thunderbolt™ 3 Active. Không bao gồm cáp USB-C DP. Nếu bạn đang sử dụng máy tính có kết nối USB-C DP, vui lòng mua cáp ngoài USB-C DP. Để biết thêm thông tin, truy cập: [www.dell.com/UP2720Q](http://www.dell.com/UP2720Q)



## Kết nối màn hình có chức năng Truyền Phát Đa Luồng Thunderbolt™ (MST)



**LƯU Ý: UP2720Q hỗ trợ tính năng Thunderbolt™ MST. Để sử dụng tính năng này, PC của bạn phải hỗ trợ tính năng Thunderbolt™.**

Cài đặt mặc định ra khỏi nhà máy của UP2720Q là Chế độ thay thế DP1.4.

Để thiết lập kết nối MST, vui lòng chỉ sử dụng cáp Thunderbolt™ 3 Active đi kèm với màn hình của bạn và thực hiện các bước dưới đây:

1. Tắt máy tính của bạn và ngắt kết nối cáp nguồn.
2. Kết nối cáp Thunderbolt™ 3 Active từ cổng kết nối máy tính Thunderbolt™ của Màn hình Một vào máy tính của bạn hoặc thiết bị.
3. Kết nối cáp Thunderbolt™ 3 Active từ cổng kết nối thiết bị ngoại vi Thunderbolt™ của Màn hình Một vào cổng kết nối máy tính máy tính Thunderbolt™ của Màn hình Hai.

Bạn có thể sử dụng loại cáp sau cho kết nối MST:

Máy chủ	Màn hình Một UP2720Q	Màn hình Hai UP2720Q
Thunderbolt™ 3	Cáp Chủ động*	Cáp Chủ động*
		Cáp Bị động**
		Cáp USB Type-C
Thunderbolt™ 2	Cáp chủ động hoặc Bị động	Không áp dụng
USB Type-C	Cáp Bị động**	Không áp dụng

\* Cáp Chủ động Thunderbolt™ 3 (USB Type-C)

\*\* Cáp Bị động Thunderbolt™ 3 (USB Type-C)

**LƯU Ý: Sử dụng cáp Thunderbolt™ 3 Active đi kèm với màn hình của bạn.**



**LƯU Ý:** Nếu bạn đang sử dụng máy tính có kết nối USB-C DP, vui lòng mua cáp ngoài USB-C DP. Để biết thêm thông tin, truy cập: <http://www.dell.com>.

**LƯU Ý:** Để biết thông tin về việc mua cáp thụ động Thunderbolt™ 3, hãy truy cập: [Mua cáp Thunderbolt™ 3 Passive](#).

## Kết nối cáp USB Type-C vào Type-A

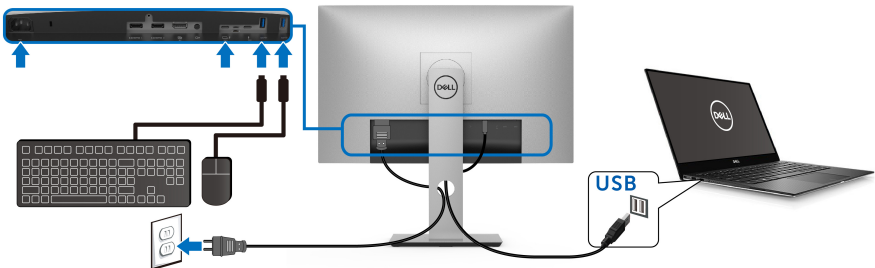
**LƯU Ý:** Để tránh hư hỏng hoặc mất mát dữ liệu, trước khi thay đổi cổng USB kết nối với máy tính, đảm bảo không có thiết bị lưu trữ USB nào đang được sử dụng bởi máy tính kết nối với cổng Thunderbolt™ 3 kết nối với máy tính của màn hình.

Sau khi bạn đã kết nối xong cáp DisplayPort/HDMI, hãy làm theo các bước sau để kết nối cáp USB Type-C vào Type-A với máy tính và hoàn tất cài đặt màn hình của bạn:

1. Kết nối máy tính: kết nối cổng kết nối với máy tính Thunderbolt™ 3 với đầu cáp Type-C (cáp được cung cấp).
2. Kết nối đầu cáp Type-A vào cổng USB 3.0 phù hợp trên máy tính của bạn.
3. Kết nối thiết bị ngoại vi USB với các cổng USB 3.2 kết nối thiết bị ngoại vi trên màn hình.

**LƯU Ý:** Tốc độ truyền của kết nối này là 5 Gbps.

4. Cắm cáp nguồn của máy tính và màn hình vào ổ cắm ở gần.



5. Bật màn hình và máy tính.  
Nếu màn hình của bạn hiển thị một hình ảnh, thì cài đặt đã hoàn tất. Nếu nó không hiển thị hình ảnh, hãy xem [Vấn Đề Cự Thể Với Cổng Kết Nối Đa Dụng \(USB\)](#).

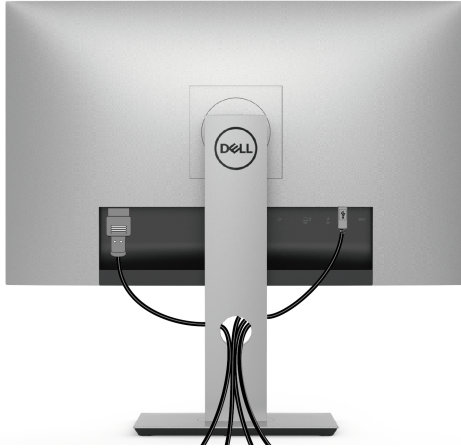
6. Sử dụng khe cáp trên chân đế màn hình để quản lý cáp.

**LƯU Ý:** Kết nối USB chỉ cung cấp truyền dữ liệu USB trong trường hợp này.



△ **THẬN TRỌNG:** Các đồ họa được sử dụng chỉ cho mục đích minh họa. Giao diện của các máy tính có thể thay đổi.

## Quản Lý Cáp Của Bạn



Sau khi lắp tất cả các cáp cần thiết vào màn hình và máy tính của bạn, (Xem [Kết Nối Màn Hình Của Bạn](#) về lắp cáp,) sắp xếp tất cả các loại cáp như minh họa ở trên.

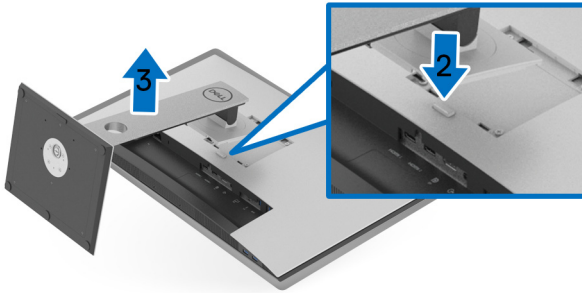


## Tháo Chân Đế Màn Hình

- LƯU Ý:** Để ngăn ngừa xước và hỏng màn hình cong LCD khi tháo chân đế, đảm bảo phải đặt màn hình trên lớp xốp sạch, mềm. Tiếp xúc trực tiếp với các vật cứng có thể làm hư hỏng màn hình cong.
- LƯU Ý:** Việc này được áp dụng cho màn hình có chân đế. Khi mua chân đế loại khác, hãy tham khảo hướng dẫn lắp đặt chân đế tương ứng để biết hướng dẫn lắp đặt.

Để tháo chân đế:

1. Đặt màn hình lên miếng vải hoặc đệm mềm.
2. Nhấn và giữ nút nhả chân đế.
3. Nhấn và nâng chốt nắp để nhả và tháo nắp.



## Giá Đỡ Treo Tường (Tùy Chọn)



(Kích thước vít: M4 x 10 mm).

Tham khảo hướng dẫn đi kèm với bộ treo tường tương thích VESA.


1. Đặt khung màn hình lên miếng vải hoặc đệm mềm trên bề mặt phẳng và chắc chắn.
2. Tháo chân đế.
3. Sử dụng một tuốc nơ vít Phillips đầu tròn để tháo bốn vít bảo vệ nắp nhựa.
4. Lắp giá treo tường của bộ giá đỡ treo tường vào màn hình.
5. Lắp màn hình lên tường bằng cách làm theo các hướng dẫn đi kèm với bộ giá đỡ treo tường.

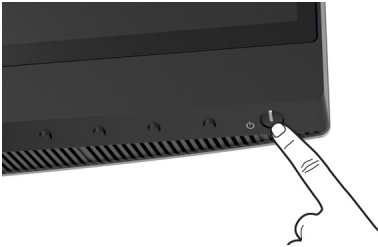
**LƯU Ý:** Chỉ sử dụng với giá treo tường có trong danh sách UL, có khả năng chịu trọng lượng/tải tối thiểu 22,4 kg.



# Sử Dụng Màn Hình

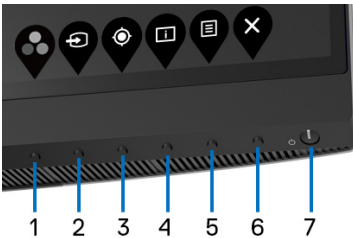
## Bật Nguồn Màn Hình

Nhấn nút  để bật màn hình.




## Sử Dụng Điều Khiển Trên Bảng Điều Khiển Trước







Sử dụng nút điều khiển trên mặt trước của màn hình để điều chỉnh các cài đặt.



Bảng dưới đây mô tả các nút ở bảng điều khiển trước:

Nút Bảng Điều Khiển Phía Trước	Mô tả
1  Phím tắt/ Preset Modes (Chế Độ Cài Đặt Trước)	Sử dụng nút này để lựa chọn từ một danh sách các chế độ màu cài đặt trước.



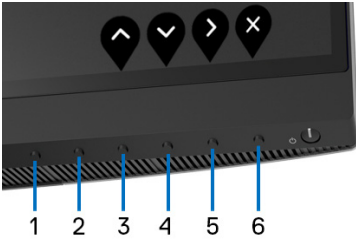
2		Sử dụng nút này để chọn nguồn đầu vào.
	<b>Phím tắt/ Input Source (Nguồn Đầu Vào)</b>	
3		Sử dụng nút này để bắt đầu Trình tự hiệu chỉnh màu.
	<b>Phím tắt/ Calibrate Now (Hiệu chỉnh ngay)</b>	
4		Sử dụng nút này để hiển thị các cài đặt hiện tại của màn hình.
	<b>Phím tắt/ Display Info (Thông tin hiển thị)</b>	
5		Sử dụng nút <b>MENU</b> để khởi chạy Hiển thị trên màn hình (OSD). Xem <a href="#">Truy Cập Hệ Thống Menu</a> .
	<b>Menu</b>	
6		Sử dụng nút này để thoát menu chính OSD.
	<b>Thoát</b>	
7		Sử dụng nút <b>Nguồn</b> để <b>Bật</b> và <b>Tắt</b> màn hình. Đèn trắng liên tục cho biết màn hình đã được bật và hoạt động bình thường. Đèn trắng nhấp nháy cho biết màn hình ở Chế độ chờ.
	<b>Nguồn (có đèn báo nguồn)</b>	









## Nút Bảng Điều Khiển Phía Trước

Sử dụng các nút trên mặt trước của màn hình để điều chỉnh các cài đặt hình ảnh.




Nút Bảng Điều Khiển Phía Trước		Mô tả
1, 2	Không có chức năng	Các nút này không có chức năng.
3	 Lên	Sử dụng nút <b>Lên</b> để điều chỉnh (tăng phạm vi) các mục trong menu OSD.
4	 Xuống	Sử dụng nút <b>Xuống</b> để điều chỉnh (giảm phạm vi) các mục trong menu OSD.
5	 Vào	Sử dụng nút <b>Vào</b> để vào menu phụ.
6	 Thoát	Sử dụng nút này để thoát menu chính OSD.

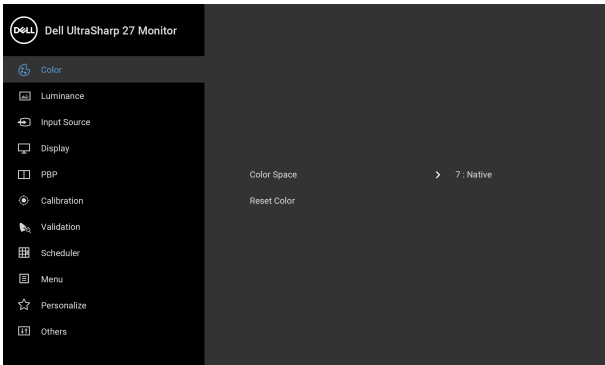




# Sử Dụng Menu Hiển Thị Trên Màn Hình (OSD)


## Truy Cập Hệ Thống Menu



**LƯU Ý:** Nếu bạn thay đổi các cài đặt và sau đó tiến tới menu khác hoặc thoát menu OSD, màn hình sẽ tự động lưu những thay đổi đó. Những thay đổi cũng được lưu nếu bạn thay đổi các cài đặt và sau đó chờ cho menu OSD biến mất.


1. Nhấn nút  để khởi chạy menu OSD và hiển thị menu chính.




2. Nhấn nút  và  để di chuyển giữa các tùy chọn cài đặt. Khi bạn di chuyển từ biểu tượng này sang biểu tượng khác, tên tùy chọn được đánh dấu nổi bật. Xem bảng dưới đây về danh sách đầy đủ của tất cả các tùy chọn có sẵn cho màn hình.

3. Nhấn nút  một lần để kích hoạt tùy chọn được đánh dấu nổi bật.

4. Nhấn nút  và  để chọn thông số mong muốn.

5. Nhấn  để vào menu phụ và sau đó sử dụng các nút hướng, theo các chỉ báo trên menu, để thực hiện thay đổi.

6. Chọn nút  để quay trở lại menu chính.



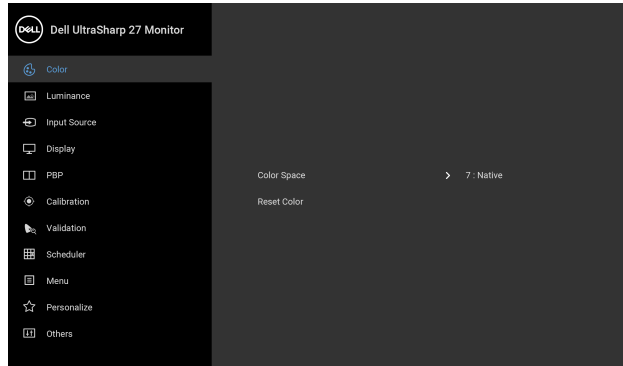
**Biểu tượng Menu và Menu phụ**

**Mô Tả**



**Color (Màu)**

Sử dụng **Color (Màu)** để điều chỉnh chế độ cài đặt màu.



**Color Space (Không gian màu)**

Khi chọn **Color space (Không gian màu)**, bạn có thể chọn một trong các cách sau: **DCI P3 D65 G2.4 L100, BT.709 D65 BT1886 L100, BT.2020 D65 BT1886 L100, sRGB D65 sRGB L250, Adobe RGB D65 G2.2 L250, Adobe RGB D50 G2.2 L250, Native (Gốc), Custom 1 (Tùy chỉnh 1), Custom 2 (Tùy chỉnh 2), Custom 3 (Tùy chỉnh 3), CAL 1, hoặc CAL 2.**

**LƯU Ý:** Chế độ cài sẵn của nhà máy **DCI P3 D65 G2.4 L100** khác với thông số DCI-P3 (Điểm trắng P3, 48 cd/m<sup>2</sup>). Người dùng có thể sử dụng **Custom 1 (Tùy chỉnh 1), Custom (Tùy chỉnh 2), hoặc Custom (Tùy chỉnh 3)** để đặt tham số theo thông số DCI-P3. Ví dụ: **Color Space (Không gian màu) > Custom 1 (Tùy chỉnh 1) > Color Gamut (Gam màu) (DCI-P3) > White Point (Điểm trắng) (DCI-P3) > Gamma (2,6) > Luminance (Độ chói) (48 cd/m<sup>2</sup>).**



---

**LƯU Ý: Factory Reset (Khôi Phục Cài Đặt Gốc)** sẽ không loại bỏ dữ liệu hiệu chuẩn. Người dùng có thể vào **Color (Màu sắc) > Color Space (Không gian màu) > Reset this Color Space # (Đặt lại không gian màu này)** (1 ~ 6) để xóa thủ công dữ liệu đã chọn. Dữ liệu hiệu chuẩn của **CAL 1** và **CAL 2** không thể xóa khỏi OSD.

---

**Reset Color (Đặt Lại Màu)**

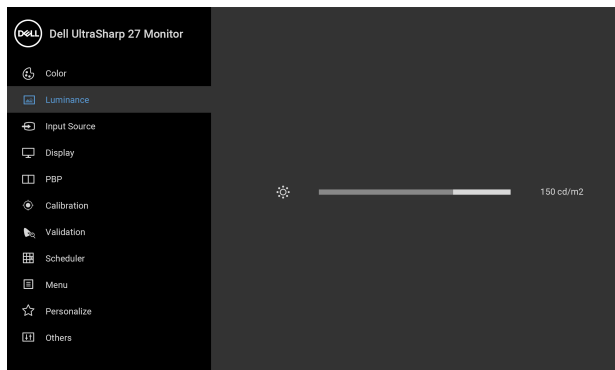
Đặt lại cài đặt màu của màn hình của bạn về cài đặt gốc.



---



**Luminance (Độ chói)**

**Luminance (Độ chói)** điều chỉnh độ chói của đèn nền.



Nhấn nút  để tăng độ chói và nhấn nút  để giảm độ chói (tối thiểu 45 / tối đa 250).

**LƯU Ý: Luminance (Độ chói)** bị xóa đi khi **Color space (Không gian màu)** được đặt thành **CAL 1** hoặc **CAL 2**.

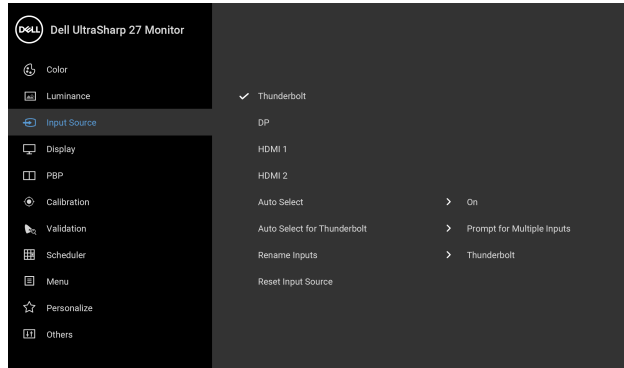
---






## Input Source (Nguồn Đầu Vào)


Sử dụng menu **Input Source (Nguồn Vào)** để chọn giữa các tín hiệu video khác nhau có thể được kết nối với màn hình của bạn.




### Thunderbolt

Chọn đầu vào **Thunderbolt** khi bạn sử dụng đầu nối Thunderbolt™ 3. Nhấn nút  để chọn nguồn đầu vào **Thunderbolt**.


### DP

Chọn đầu vào **DP** khi bạn sử dụng đầu nối DisplayPort (DP). Nhấn nút  để chọn nguồn đầu vào **DP**.

### HDMI 1

Chọn đầu vào **HDMI 1** khi bạn sử dụng đầu nối HDMI 1. Nhấn nút  để chọn nguồn đầu vào **HDMI 1**.

### HDMI 2

Chọn đầu vào **HDMI 2** khi bạn sử dụng đầu nối HDMI 2. Nhấn nút  để chọn nguồn đầu vào **HDMI 2**.

### Auto Select (Tự Động Chọn)

Bật chức năng này sẽ cho phép bạn quét tìm các nguồn đầu vào có sẵn.



---

### Auto Select for Thunderbolt (Tự Động Chọn cho Thunderbolt)

Cho phép bạn đặt **Auto Select for Thunderbolt (Tự Động Chọn cho Thunderbolt)** sang:

- **Prompt for Multiple Inputs (Nhắc cho Nhiều Đầu Vào):** Luôn hiển thị thông báo “**Switch to Thunderbolt Video Input**” (**Chuyển Sang Đầu Vào Video Thunderbolt**) để có thể chọn chuyển hay không.
- **Yes (Có):** Luôn chuyển sang đầu vào video **Thunderbolt** (không hỏi) khi cáp Thunderbolt™ 3 Active được kết nối.
- **No (Không):** Không bao giờ tự động chuyển sang đầu vào video **Thunderbolt** khi cáp Thunderbolt™ 3 Active được kết nối.

**LƯU Ý: Auto Select for Thunderbolt (Tự Động Chọn cho Thunderbolt)** chỉ có khi **Auto Select (Tự Động Chọn)** được **On (Bật)**.

---

### Rename Inputs (Đổi tên đầu vào)

Cho phép bạn đổi tên nguồn đầu vào.

---

### Reset Input Source (Đặt Lại Nguồn Đầu Vào)

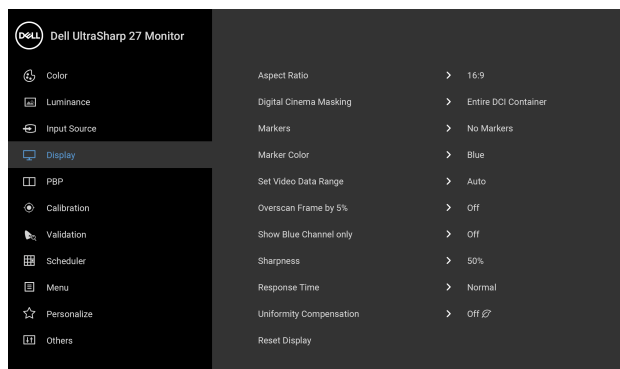
Đặt lại cài đặt đầu vào của màn hình của bạn về cài đặt gốc.



---



### Display (Hiện Thị)

Sử dụng **Display (Hiện Thị)** để điều chỉnh ảnh.



<b>Aspect Ratio (Tỷ Lệ Khung Hình)</b>	Điều chỉnh tỷ lệ hình ảnh sang <b>Auto Resize (Tự động định cỡ)</b> , <b>17:9</b> , <b>16:9</b> , hoặc <b>Pixel-for-Pixel (Pixel-cho-Pixel)</b> .
<b>Digital Cinema Masking (Mặt nạ điện ảnh số)</b>	Điều chỉnh <b>Digital Cinema Masking (Mặt nạ điện ảnh số)</b> sang <b>Entire DCI Container (Bộ chứa DCI toàn bộ)</b> , <b>DCI 1,85:1</b> , <b>DCI 2,39:1</b> , hoặc <b>DCI 2,35:1</b> .
<b>Markers (Bút đánh dấu)</b>	Điều chỉnh <b>Markers (Bút đánh dấu)</b> sang <b>No Markers (Không bút đánh dấu)</b> , <b>1,85:1</b> , <b>2,39:1</b> , <b>2,35:1</b> , <b>2:1</b> , <b>1:1</b> , <b>16:9 Extraction (16:9 Tách ra)</b> , <b>16:9 Action Safe (16:9 An toàn hành động)</b> , <b>16:9 Title Safe (16:9 An toàn tiêu đề)</b> , <b>4:3 Extraction (4:3 Tách ra)</b> , <b>4:3 Action Safe (4:3 An toàn hành động)</b> , <b>4:3 Title Safe (4:3 An toàn tiêu đề)</b> , <b>Center Crosshair (Chéo ngang giữa)</b> , hoặc <b>Thirds (Thứ ba)</b> .
<b>Marker Color (Màu đánh dấu)</b>	Chỉnh <b>Marker Color (Màu đánh dấu)</b> sang <b>Gray (Xám)</b> , <b>Red (Đỏ)</b> , <b>Green (Xanh dương)</b> , hoặc <b>Blue (Xanh lam)</b> .
<b>Set Video Data Range (Đặt phạm vi dữ liệu video)</b>	Chỉnh <b>Set Video Data Range (Đặt phạm vi dữ liệu video)</b> sang <b>Auto (Tự động)</b> , <b>Full (Đầy đủ)</b> , hoặc <b>Limited (Giới hạn)</b> .
<b>Overscan Frame by 5% (Khung quét quá 5%)</b>	Cho phép bạn đặt <b>Bật</b> hoặc <b>Tắt</b> <b>Overscan Frame by 5% (Khung quét quá 5%)</b> . <b>LƯU Ý:</b> Chức năng này sẽ chỉ áp dụng cho cửa sổ chính trong <b>PBP Mode (Chế độ PBP)</b> .
<b>Show Blue Channel only (Chỉ hiển thị Kênh xanh)</b>	Cho phép bạn đặt <b>Bật</b> hoặc <b>Tắt</b> <b>Show Blue Channel only (Chỉ hiển thị Kênh xanh)</b> . <b>LƯU Ý:</b> Chức năng này sẽ chỉ áp dụng cho cửa sổ chính trong <b>PBP Mode (Chế độ PBP)</b> .
<b>Sharpness (Độ Nét)</b>	Tính năng này có thể làm cho hình ảnh trông sắc nét hơn hoặc mềm hơn. Sử dụng  hoặc  để điều chỉnh độ nét từ '0' đến '100'.



---

**Response Time (Thời Gian Phản Hồi)** Cho phép bạn đặt **Response Time (Thời Gian Phản Hồi)** sang **Normal (Bình thường)**, **Fast (Nhanh)**, hoặc **Off (Tắt)**.

**LƯU Ý: Response Time (Thời Gian Phản Hồi)** sẽ tự động đặt lại về mặc định của màn hình trong quá trình hiệu chuẩn và xác nhận để đảm bảo độ chính xác của màu.

---

**Uniformity Compensation (Bù đồng nhất)** Chọn cài đặt bù đồng nhất. **On (Bật)** là cài đặt điều chỉnh của nhà máy theo mặc định. **Uniformity Compensation (Bù đồng nhất)** điều chỉnh các vùng khác nhau của màn hình đối với trung tâm để đạt được độ sáng đồng nhất và màu sắc trong toàn bộ màn hình.

**LƯU Ý:** Người dùng nên sử dụng cài đặt độ chói mặc định của nhà máy khi **Uniformity Compensation (Bù đồng nhất)** được bật. Để thiết lập mức chói khác, hiệu suất đồng nhất có thể lệch với dữ liệu hiển thị trong Báo Cáo Điều Chỉnh Của Nhà Máy.

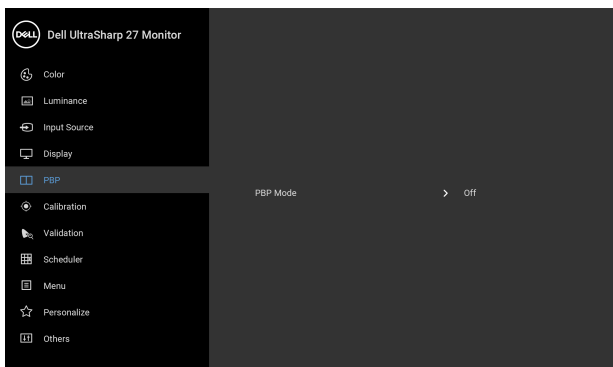
---

**Reset Display (Cài Đặt Lại Hiển Thị)** Chọn tùy chọn này để khôi phục lại các cài đặt hiển thị mặc định.




## PBP

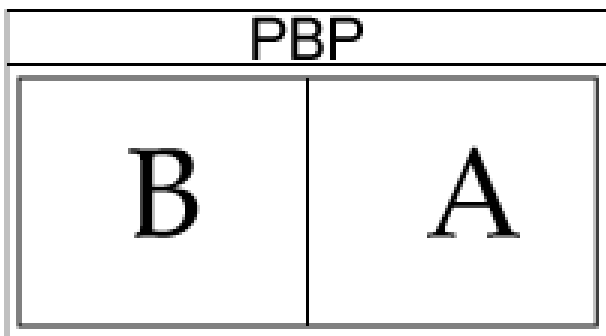
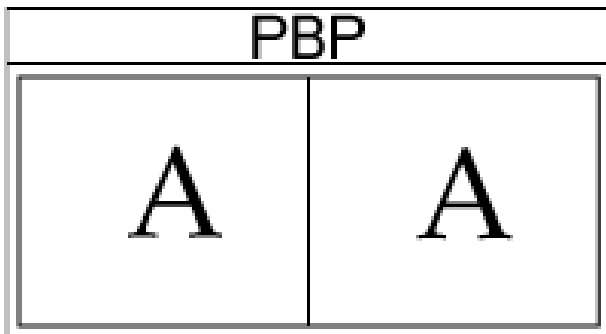
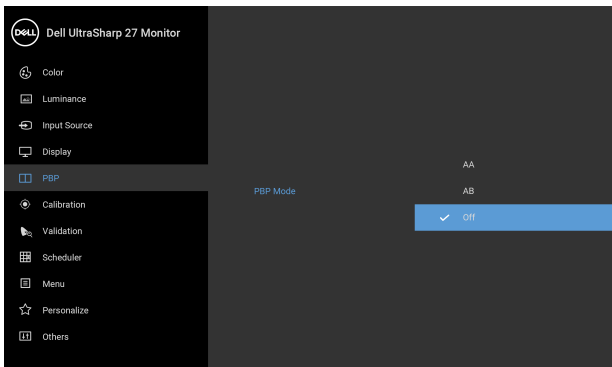
Chức năng này sẽ trả về một cửa sổ hiển thị hình ảnh từ nguồn đầu vào khác.






**PBP Mode (Chế độ PBP)**    **Chỉnh chế độ PBP (Picture by Picture) sang AA, AB, hoặc Off (Tắt).**

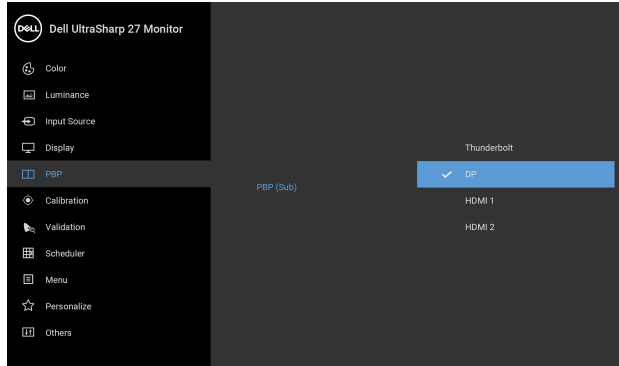
Nhấn nút  để bật chế độ PBP.



---


**PBP (Sub)  
(PBP (Phụ))**

Lựa chọn giữa các tín hiệu video khác nhau có thể được kết nối với màn hình của bạn cho cửa sổ phụ PBP. Nhấn nút  để chọn tín hiệu nguồn cửa sổ sổ phụ PBP.




---

**PBP Input  
Source Toggle  
(Chuyển đổi  
nguồn đầu vào  
PBP)**

Chọn để chuyển đổi giữa các nguồn đầu vào trong chế độ PBP. Nhấn nút  để chuyển đổi giữa các nguồn đầu vào trong chế độ PBP.  
**LƯU Ý:** Không có sẵn khi chế độ **PBP** được đặt thành **AA**.

---

**Video Swap  
(Chuyển đổi  
video)**

Chọn để chuyển đổi video giữa cửa sổ chính và phụ trong chế độ PBP. Nhấn nút  để hoán đổi cửa sổ chính và cửa sổ phụ.

---

**Color Gamut  
(Sub) (Gam  
màu (Phụ))**

Chỉnh **Color Gamut (Sub) (Gam màu (Phụ))** sang **DCI P3, BT.709, BT.2020, sRGB, Adobe RGB, hoặc Native (Gốc)**.

---

**White Point  
(Sub) (Điểm  
trắng (Phụ))**

Chỉnh **White Point (Sub) (Điểm trắng (Phụ))** sang **D50, D55, D60, D65, DCI P3, hoặc Native (Gốc)**.  
**LƯU Ý:** Không có sẵn khi **Color Gamut (Sub) (Gam màu (Phụ))** được đặt thành **Native (Gốc)**.

---





**Gamma (Sub) (Gamma (Phụ))** **Chỉnh Gamma (Sub) (Gamma (Phụ))** sang **1,6, 1,8, 2,0, 2,2, 2,4, 2,6, BT.1886, sRGB**, hoặc **Native (Gốc)**.

**LƯU Ý:** Không có sẵn khi **Color Gamut (Sub) (Gam màu (Phụ))** được đặt thành **Native (Gốc)**.

**Sharpness (Sub) (Độ sắc nét (Phụ))**

Chỉnh độ sắc nét của ảnh ở chế độ PBP.

Nhấn nút  để tăng độ sắc nét và nhấn nút  để giảm độ sắc nét.

**Audio (Âm thanh)**

Cho phép bạn thiết lập nguồn âm thanh từ cửa sổ chính hoặc cửa sổ phụ.

**Video Data Range (Phạm vi dữ liệu video)**

Chỉnh **Video Data Range (Phạm vi dữ liệu video)** sang **Auto (Tự động)**, **Full (Đầy đủ)**, hoặc **Limited (Giới hạn)**.

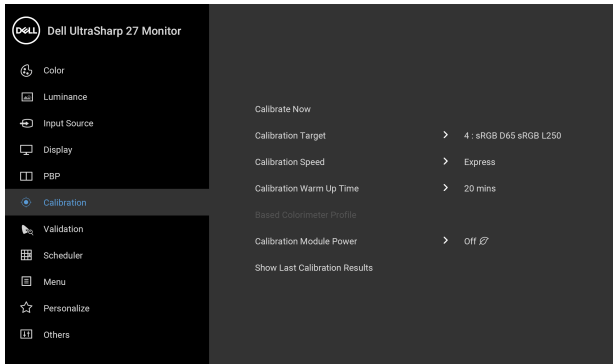
**Reset PBP (Đặt lại PBP)**

Chọn tùy chọn này để khôi phục cài đặt **PBP** mặc định.



**Calibration (Hiệu chuẩn)**

Thực hiện hiệu chuẩn màu với máy đo màu tích hợp.



**Calibrate Now (Hiệu chỉnh ngay)**

Cho phép bạn bắt đầu hiệu chuẩn màu.



---

**Calibration Target (Mục tiêu hiệu chuẩn)** Cho phép bạn đặt mục tiêu hiệu chuẩn thành **DCI P3 D65 G2.4 L100, BT.709 D65 BT1886 L100, BT.2020 D65 BT1886 L100, sRGB D65 sRGB L250, Adobe RGB D65 G2.2 L250, Adobe RGB D50 G2.2 L250, CAL 1, hoặc CAL 2.**

**LƯU Ý:** Các lựa chọn **Color space (Không gian màu)** sau đây không có sẵn như ở dạng mục tiêu hiệu chuẩn: **Native (Gốc), Custom 1 (Tùy chỉnh 1), Custom 2 (Tùy chỉnh 2), và Custom 3 (Tùy chỉnh 3).**

---

**Calibration Speed (Tốc độ hiệu chuẩn)** Cho phép bạn đặt tốc độ hiệu chuẩn thành **Express (Nhanh)** hoặc **Comprehensive (Toàn diện).**

**LƯU Ý:** Khi **Express (Nhanh)** được chọn, thời gian hiệu chuẩn là khoảng 4 phút. Khi **Comprehensive (Toàn diện)** is selected, được chọn, thời gian hiệu chuẩn là khoảng 10 phút.

---

**Calibration Warm Up Time (Thời Gian Khởi Động Hiệu Chuẩn)** Đặt thời gian khởi động thành **20 mins (20 phút)** hoặc là **30 phút (30 phút).**

---



---

**Based Colorimeter Profile (Dựa trên cấu hình đo màu)**

Cho phép bạn đặt **Based Colorimeter Profile (Dựa trên cấu hình đo màu)** sang **Built-in (Tích hợp)** hoặc **Ext. Colorimeter (Đo màu tương quan bên ngoài)**.

Chuyển đổi cấu hình có thể gây ra kết quả không nhất quán với hiệu chuẩn trước đó. Nên hiệu chỉnh lại màn hình sau khi chuyển cấu hình.

**LƯU Ý:** Người dùng có thể áp dụng các cấu hình hiệu chuẩn khác nhau. Chọn cấu hình **Ext.**

**Colorimeter (Đo màu tương quan bên ngoài)**, trước tiên người dùng phải điều chỉnh màn hình với máy đo màu bên ngoài thông qua CalMAN Ready. Khi quá trình điều chỉnh đang được xử lý, CalMAN Ready sẽ điều khiển bộ hiệu chuẩn bên trong của màn hình đến vị trí và bắt đầu quá trình với máy đo màu bên ngoài. Sau khi hoàn thành phần bổ sung của việc điều chỉnh, Calman Ready sẽ đặt các tham số điều chỉnh cho màn hình để bật mục này.

---

**Calibration Module Power (Lực mô-đun hiệu chuẩn)**

Cho phép bạn đặt **Calibration Module Power (Lực mô-đun hiệu chuẩn)** sang **On (Bật)** hoặc **Off (Tắt)**.

**LƯU Ý:** **Calibration Module Power (Lực mô-đun hiệu chuẩn)** phải được đặt là **On (Bật)** để bật chức năng **Calibration (Hiệu chuẩn)**.

---

**Show Last Calibration Results (Hiển thị kết quả hiệu chuẩn lần cuối)**

Cho phép bạn kiểm tra các kết quả hiệu chuẩn gần đây nhất.

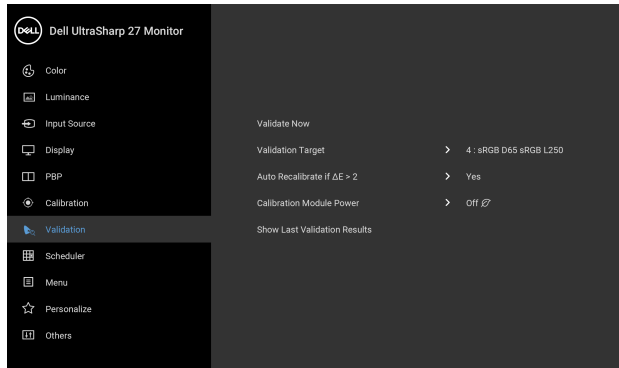
---





## Validation (Xác thực)

Thực hiện xác thực hiệu chuẩn màu với máy đo màu tích hợp.



### Validate Now (Xác thực ngay)

Cho phép bạn bắt đầu xác thực màu.

### Validation Target (Mục tiêu xác thực)

Cho phép bạn đặt mục tiêu xác thực thành **DCI P3 D65 G2.4 L100, BT.709 D65 BT1886 L100, BT.2020 D65 BT1886 L100, sRGB D65 sRGB L250, Adobe RGB D65 G2.2 L250, Adobe RGB D50 G2.2 L250, CAL 1, hoặc CAL 2.**

### Auto Recalibrate if $\Delta E > 2$ (Tự động hiệu chỉnh lại nếu $\Delta E > 2$ )

Cho phép bạn đặt **Auto Recalibrate if  $\Delta E > 2$**  (Tự động hiệu chỉnh lại nếu  $\Delta E > 2$ ) sang **Yes (Có)** hoặc **No (Không)**.

### Calibration Module Power (Lực mô-đun hiệu chuẩn)

Cho phép bạn đặt **Calibration Module Power (Lực mô-đun hiệu chuẩn)** sang **On (Bật)** hoặc **Off (Tắt)**.

**LƯU Ý: Calibration Module Power (Lực mô-đun hiệu chuẩn)** phải được đặt là **On (Bật)** để bật chức năng **Validation (Xác thực)**.



---

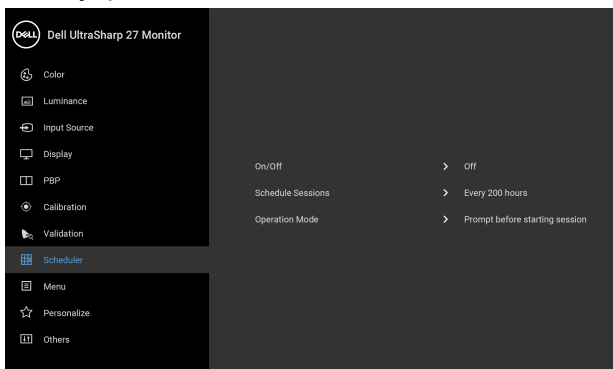
**Show Last Validation Results (Hiển thị kết quả xác thực lần cuối)**

Cho phép bạn kiểm tra các kết quả xác thực gần đây nhất.



**Scheduler (Trình lập lịch)**

Đặt lịch để tự động hiệu chuẩn hoặc xác thực. Cho phép bạn đặt **Scheduler (Trình lập lịch)** sang **Off (Tắt)**, **Calibration (Hiệu chuẩn)**, **Validation (Xác thực)**, hoặc **Calibration + Validation (Hiệu chuẩn + Xác thực)**.



---

**Schedule Sessions (Lên lịch phiên)**

Cho phép bạn đặt **Schedule Sessions (Lên lịch phiên)** sang **Every 200 Hours (Mỗi 200 giờ)** hoặc tại khoảng thời gian ưa thích của người dùng (**Quarterly (Hàng quý)**, **Monthly (Hàng tháng)**, **Weekly (Hàng tuần)**, hoặc **Daily (Hàng ngày)**).

---

**Operation Mode (Chế độ vận hành)**

Cho phép bạn đặt **Operation Mode (Chế độ vận hành)** sang **Prompt before starting session (Nhắc trước khi bắt đầu phiên)** hoặc **Carry out in Standby Mode (Thực hiện trong Chế độ chờ)**.

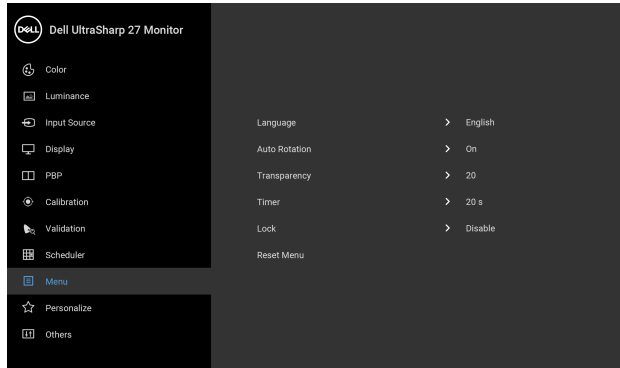
---





## Menu

Chọn tùy chọn này để điều chỉnh các cài đặt của OSD, chẳng hạn như, các ngôn ngữ của OSD, số thời gian menu vẫn còn trên màn hình, và vân vân.





### Language (Ngôn ngữ)

Các tùy chọn **Language (Ngôn ngữ)** đặt màn hình hiển thị OSD về một trong tám ngôn ngữ (Tiếng Anh, tiếng Tây Ban Nha, Pháp, Đức, Bồ Đào Nha gốc Braxin, Nga, Tiếng Trung Quốc giản thể, hay Nhật Bản).

### Auto Rotation (Xoay tự động)



Cho phép bạn đặt màn hình **Bật hoặc tắt Auto Rotation (Xoay tự động)**.

### Transparency (Độ trong suốt)

Chọn tùy chọn này để thay đổi độ trong suốt menu bằng cách nhấn các nút  và  (Tối thiểu: 0 ~ Tối đa: 100).

### Timer (Hẹn giờ)

**OSD Hold Time (Thời Gian Chờ OSD):** đặt độ dài thời gian OSD sẽ vẫn hoạt động sau khi bạn nhấn nút lần cuối.

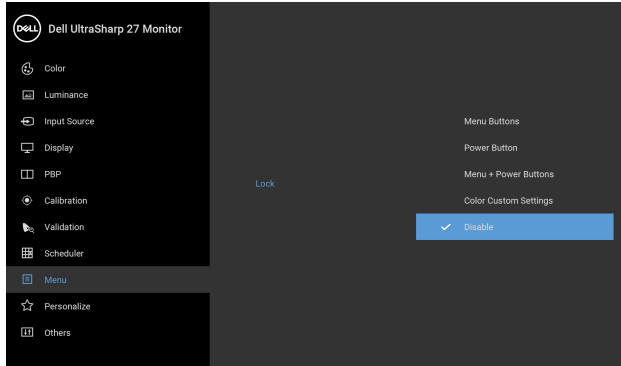
Sử dụng  hoặc  để điều chỉnh thanh trượt với mức tăng là 1 giây, từ 5 đến 60 giây.





## Lock (Khóa)

Khi các nút điều khiển trên màn hình bị khóa, bạn có thể ngăn mọi người truy cập vào phần điều khiển. Nó cũng ngăn chặn việc ngẫu nhiên kích hoạt nhiều màn hình ở thiết lập cạnh nhau.



- **Menu Buttons (Nút Menu):** Tất cả các nút chức năng/menu (ngoại trừ nút Nguồn) đều bị khóa và người dùng không thể truy cập.
- **Power Button (Nút Nguồn):** Chỉ nút Nguồn bị khóa và người dùng không thể truy cập.
- **Menu + Power Buttons (Nút Menu + Nguồn):** Cả nút chức năng/menu và Nguồn đều bị khóa và người dùng không thể truy cập.
- **Color Custom Settings (Cài đặt tùy chỉnh màu):** Cài đặt menu **Color (Màu)** bị khóa và người dùng không thể truy cập.

Cài đặt mặc định là **Disable (Tắt)**.

Cách khóa khác [với các nút chức năng/menu]: Bạn cũng có thể nhấn và giữ nút chức năng/menu bên cạnh nút Nguồn trong 4 giây để đặt các tùy chọn khóa.

**LƯU Ý:** Để mở khóa (các) nút, nhấn và giữ nút chức năng/menu bên cạnh nút Nguồn trong 4 giây.

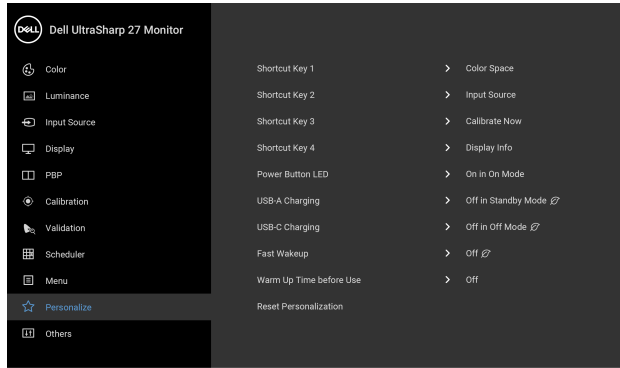
## Reset Menu (Đặt Lại Menu)

Đặt lại cả các cài đặt OSD về giá trị cài đặt trước của nhà máy.





## Personalize (Cá nhân hóa)



- Shortcut Key 1 (Phím tắt 1)** Cho phép bạn chọn một tính năng từ **Color Space (Không gian màu)**, **Luminance (Độ chói)**, **Input Source (Nguồn vào)**, **Aspect Ratio (Tỷ Lệ Khung Hình)**, **Digital Cinema Masking (Mặt nạ điện ảnh số)**, **Markers (Bút đánh dấu)**, **PBP Mode (Chế độ PBP)**, **PBP Input Source Toggle (Chuyển đổi nguồn đầu vào PBP)**, **Video Swap (Chuyển đổi video)**, **Calibrate Now (Hiệu chỉnh ngay)**, **Show Last Calibration Results (Hiển thị kết quả hiệu chuẩn lần cuối)**, **Validation (Xác thực)**, **Show Last Validation Results (Hiển thị kết quả xác thực lần cuối)**, hoặc **Display Info (Thông tin hiển thị)** và đặt làm phím tắt.
- Shortcut Key 2 (Phím tắt 2)**
- Shortcut Key 3 (Phím tắt 3)**
- Shortcut Key 4 (Phím tắt 4)**

**Power Button LED (Đèn LED Nút Nguồn)** Cho phép bạn đặt Bật hoặc Tắt đèn LED nguồn để tiết kiệm năng lượng.

**USB-A Charging (Sạc USB-A)** Cho phép bạn bật hoặc tắt chức năng sạc USB Type-A (Cổng kết nối thiết bị ngoại vi) trong chế độ chờ màn hình.

**LƯU Ý:** Tùy chọn này chỉ khả dụng khi rút cáp USB Type-C (Cổng kết nối máy tính Thunderbolt™). Nếu cáp USB Type-C (Thunderbolt™) được kết nối, Sạc USB-A tuân theo trạng thái nguồn cắm USB và không thể truy cập tùy chọn này.



---

**USB-C Charging (Sạc USB- C)** Cho phép bạn bật hoặc tắt chức năng **Always On USB Type-C Charging (Sạc Luôn bật USB Type-C)** trong chế độ Tắt nguồn màn hình.

---

**Fast Wakeup (Đánh thức nhanh)** Cho phép bạn thiết lập chức năng **Fast Wakeup (Đánh thức nhanh)** sang **On (Bật)** hoặc là **Off (Tắt)**.

---

**Warm Up Time before Use (Thời gian làm nóng trước khi sử dụng)** Cho phép bạn Bật hoặc Tắt làm nóng màn hình hoặc đặt màn hình tự động kích hoạt theo lịch trình **Day (Ngày)** và **Time (Thời gian)**. Mặc định là **Off (Tắt)**.

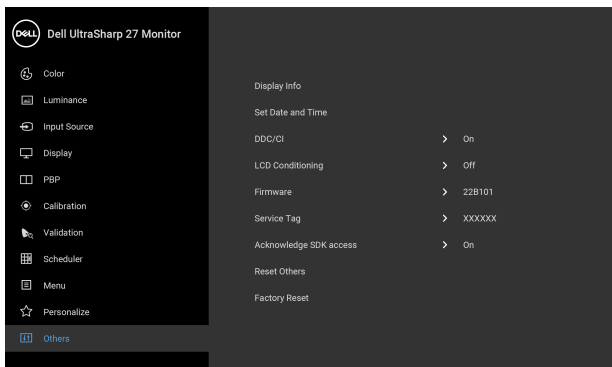
---

**Reset Personalization (Đặt lại Cá nhân hóa)** Đặt lại tất cả các cài đặt dưới menu **Personalize (Cá nhân hóa)** về giá trị cài đặt trước của nhà máy.

---



## Others (Khác)



---

**Display Info (Thông tin hiển thị)** Hiển thị phần cài đặt hiện tại của màn hình.

---



---

**Set Date and Time (Đặt ngày và giờ)**

Đặt ngày giờ trước khi sử dụng màn hình.

**LƯU Ý:** Vui lòng đồng bộ ngày và giờ khi:

- Thiết lập màn hình lần đầu tiên.
- Màn hình bị ngắt kết nối với nguồn điện trong hơn 10 ngày.

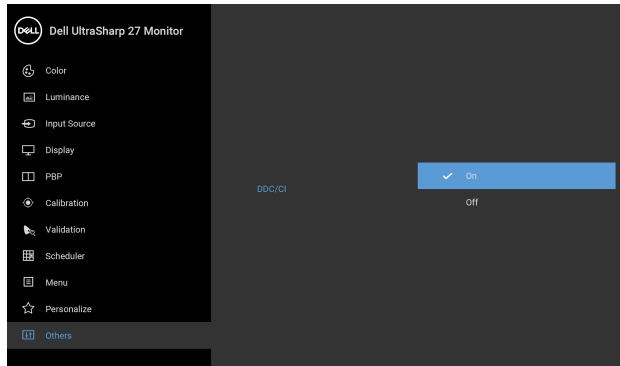
---

**DDC/CI**

**DDC/CI** (Display Data Channel/Command Interface - Kênh Dữ Liệu Hiển Thị/Giao Diện Lệnh) cho phép bạn giám sát các thông số màn hình (độ sáng, cân bằng màu, và v.v) có thể được điều chỉnh qua phần mềm trên máy tính của bạn.

Bạn có thể tắt tính năng này bằng cách chọn **Off (Tắt)**.

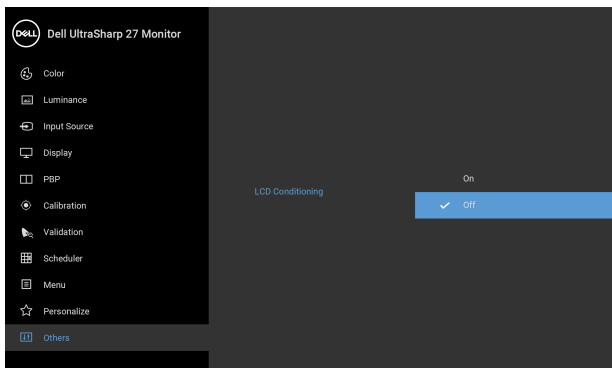
Bật tính năng này để có trải nghiệm người dùng tốt nhất và có hiệu suất tối ưu cho màn hình của bạn.



---

**LCD  
Conditioning  
(Điều Tiết LCD)**

Giúp giảm bớt hiện tượng lưu ảnh. Tùy thuộc vào mức độ của hiện tượng lưu ảnh, chương trình có thể mất một lúc để chạy. Bạn có thể bật tính năng này bằng cách chọn **On (Bật)**.



---

**Firmware  
(Phần mềm)**

Hiển thị phần mềm vi chương trình của màn hình.

---

**Service Tag  
(Thẻ dịch vụ)**

Hiển thị số sêri thẻ dịch vụ của màn hình.

---

**Reset Others  
(Đặt lại khác)**

Đặt lại tất cả các cài đặt mục trong menu **Others (Khác)** về giá trị cài đặt trước của nhà máy.

---

**Factory Reset  
(Khôi Phục Cài  
Đặt Gốc)**

Đặt lại cả các cài đặt về giá trị cài đặt trước của nhà máy.

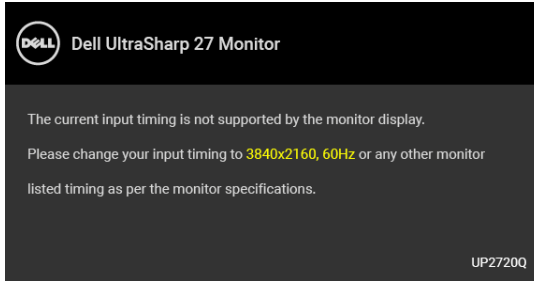
**LƯU Ý:** Các cài đặt sau sẽ không được đặt lại sau khi **Factory Reset (Khôi Phục Cài Đặt Gốc)**: Dữ liệu hiệu chuẩn và xác thực, ngôn ngữ, ngày và thời gian.

---



## Thông Báo Cảnh Báo OSD

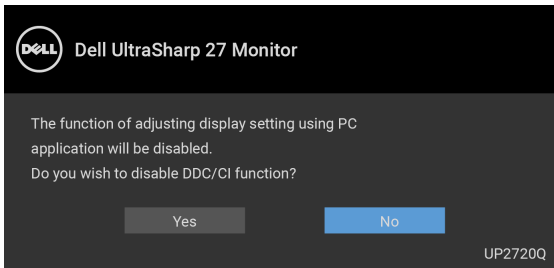
Khi màn hình không hỗ trợ chế độ độ phân giải cụ thể nào đó, bạn sẽ thấy có thông báo sau:



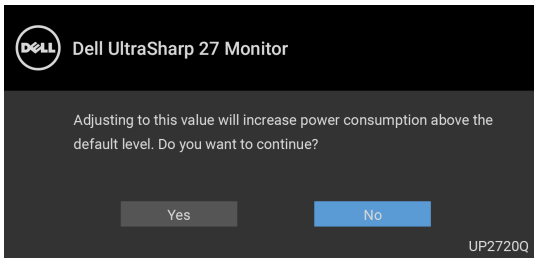
**LƯU Ý:** Thông báo này có thể hơi khác tùy theo tín hiệu đầu vào được kết nối.

Điều này có nghĩa là màn hình không thể đồng bộ với các tín hiệu mà nó nhận được từ máy tính. Xem [Thông Số Màn Hình](#) để biết phạm vi tần số ngang và dọc mà màn hình này có thể xử lý được. Chế độ khuyến dùng là 3840 x 2160.

Bạn sẽ thấy thông báo sau trước khi chức năng DDC/CI bị tắt:

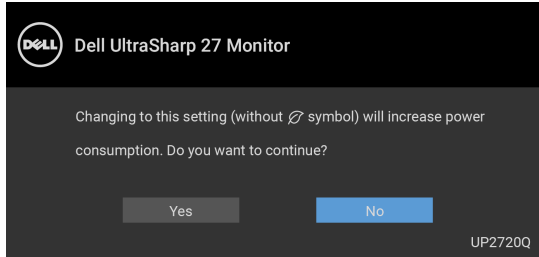


Khi bạn điều chỉnh mức **Luminance (Độ chói)** lần đầu, thông báo sau xuất hiện:



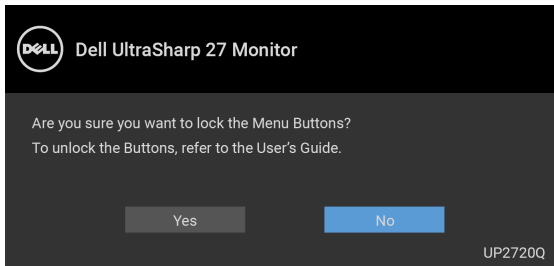
**LƯU Ý:** Nếu bạn chọn Yes (Có), thông báo sẽ không xuất hiện vào lần tới khi bạn có ý định thay đổi cài đặt Luminance (Độ chói).

Khi bạn thay đổi cài đặt mặc định của các tính năng tiết kiệm năng lượng lần đầu tiên, chẳng hạn như **Uniformity Compensation (Bù đồng nhất)**, **Calibration Module Power (Lực mô-đun hiệu chuẩn)**, **USB-A Charging (Sạc USB-A)**, **USB-C Charging (Sạc USB-C)** hoặc **Fast Wakeup (Đánh thức nhanh)**, thông báo sau xuất hiện:



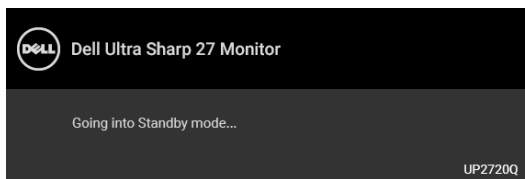
**LƯU Ý:** Nếu bạn chọn Yes (Có) cho một trong các tính năng được đề cập ở trên, thông báo sẽ không xuất hiện vào lần tới khi bạn có ý định thay đổi cài đặt của các tính năng này. Khi bạn khôi phục cài đặt gốc, thông báo đó sẽ lại xuất hiện.

Bạn sẽ thấy thông báo sau trước khi chức năng **Lock (Khóa)** được kích hoạt:



**LƯU Ý:** Thông báo này có thể hơi khác tùy theo thiết lập được chọn.

Khi màn hình vào Chế độ chờ, thông báo sau sẽ xuất hiện:

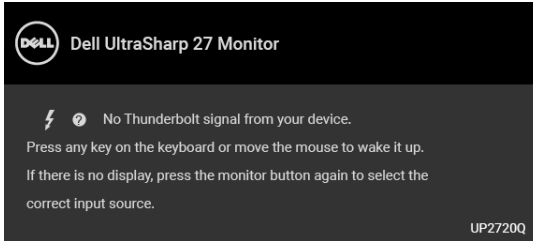


Bật máy tính và đánh thức màn hình để truy cập vào **OSD**.



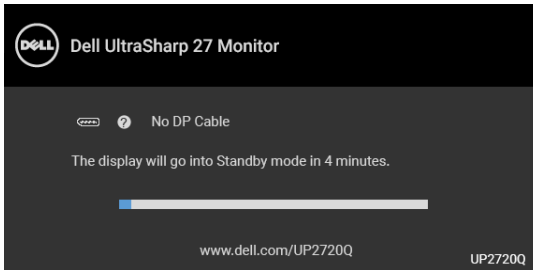
**LƯU Ý: Thông báo này có thể hơi khác tùy theo tín hiệu đầu vào được kết nối.**

Nếu bạn nhấn bất kỳ nút nào ngoại trừ nút nguồn, thông báo sau sẽ xuất hiện tùy thuộc vào đầu vào được chọn:



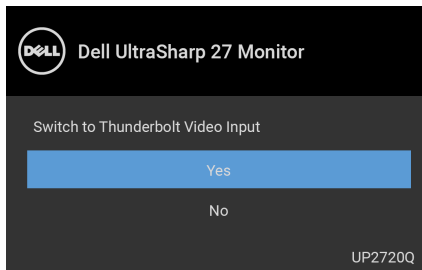
**LƯU Ý: Thông báo này có thể hơi khác tùy theo tín hiệu đầu vào được kết nối.**

Nếu đầu vào **Thunderbolt**, **HDMI**, hoặc **DP** được chọn và cáp tương ứng không được kết nối, một hộp thoại nổi như hình dưới đây sẽ xuất hiện.



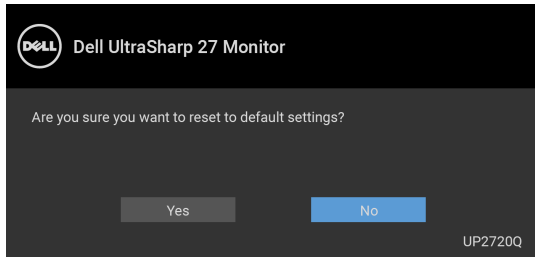
**LƯU Ý: Thông báo này có thể hơi khác tùy theo tín hiệu đầu vào được kết nối.**

Khi màn hình ở dưới đầu vào DP/HDMI và cáp Thunderbolt™ 3 Active được kết nối với máy tính xách tay hỗ trợ Chế độ thay thế DP, nếu **USB-C Charging (Sạc USB-C)** được bật, một thông báo sau sẽ xuất hiện.

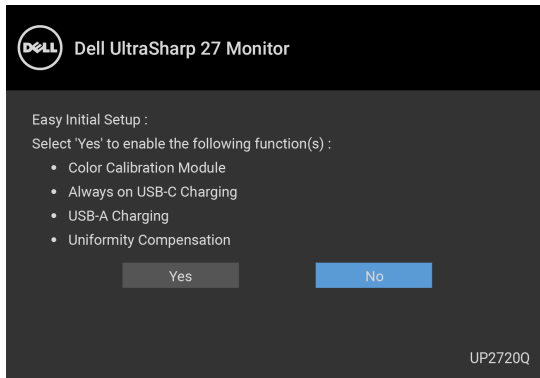




Khi **Factory Reset (Khôi Phục Cài Đặt Gốc)** được chọn, thông báo sau sẽ xuất hiện:



Khi **Yes (Có)** được chọn, thông báo sau sẽ xuất hiện:



Xem **Khắc phục sự cố** để biết thêm thông tin.



## Cài Đặt Độ Phân Giải Tối Đa

Để đặt độ phân giải tối đa cho màn hình:

Trong Windows<sup>®</sup> 7, Windows<sup>®</sup> 8 và Windows<sup>®</sup> 8.1:

1. Chỉ với Windows<sup>®</sup> 8 và Windows<sup>®</sup> 8.1, chọn ô Màn hình nền để chuyển sang màn hình nền cổ điển.
2. Nhấp chuột phải vào màn hình nền, nhấp **Độ Phân Giải Màn Hình**.
3. Nhấp vào danh sách Thả Xuống của Độ Phân Giải Màn Hình và chọn **3840 x 2160**.
4. Nhấp vào **OK**.

Trong Windows<sup>®</sup> 10:

1. Nhấp chuột phải vào màn hình nền, nhấp **Cài đặt màn hình**.
2. Nhấp vào **Thiết lập hiển thị nâng cao**.
3. Nhấp vào danh sách của **Độ phân giải** và chọn **3840 x 2160**.
4. Nhấp vào **Áp dụng**.

Nếu bạn không nhìn thấy tùy chọn 3840 x 2160, bạn có thể cần phải kiểm tra card đồ họa xem có hỗ trợ độ phân giải 4K@60 Hz hay không. Nếu nó có hỗ trợ 4K@60 Hz, hãy cập nhật trình điều khiển đồ họa của bạn. Nếu không hỗ trợ 4K@60 Hz, tùy thuộc vào máy tính của bạn, hãy hoàn thành một trong các bước sau đây:

Nếu bạn có máy tính để bàn hoặc máy tính xách tay Dell:

- Truy cập vào <http://www.dell.com/support>, nhập thẻ dịch vụ, và tải về trình điều khiển mới nhất cho các đồ họa của bạn.

Nếu máy tính của bạn không phải là máy Dell (di động hoặc để bàn):

- Đi đến trang web hỗ trợ cho máy tính của bạn và tải về các trình điều khiển đồ họa mới nhất.
- Đi đến trang web các đồ họa của bạn và tải về các trình điều khiển đồ họa mới nhất.

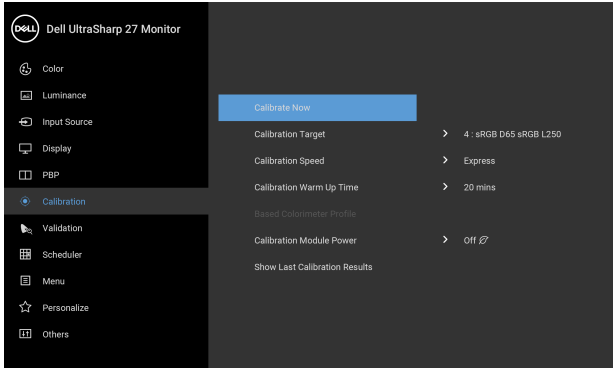


# Thực hiện hiệu chuẩn màu

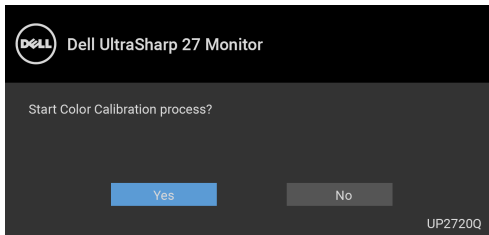
Thực hiện **Calibration (Hiệu chuẩn)** với máy đo màu tích hợp để hiệu chuẩn màu của màn hình.

## Sử dụng menu OSD

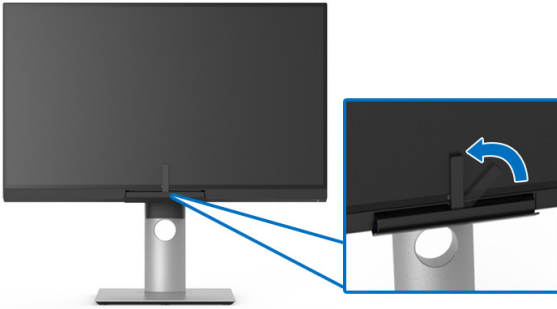
1. Sử dụng menu OSD, đặt tiêu chí hiệu chuẩn dựa trên sở thích của bạn. Sau đó chọn **Calibrate Now (Hiệu chỉnh ngay)**.



2. Thông báo sau xuất hiện, chọn **Yes (Có)** để tiếp tục quá trình.

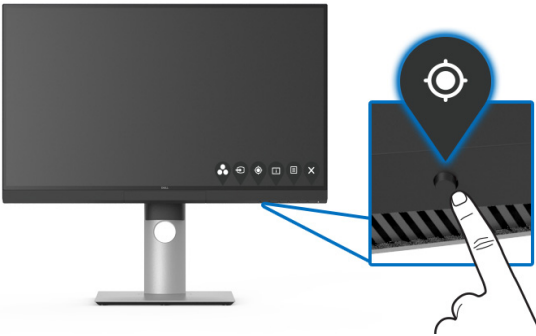


### 3. Hiệu chuẩn sẽ tự động bắt đầu.

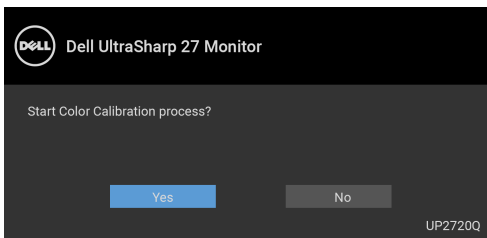


### Sử dụng Phím tắt với tín hiệu video

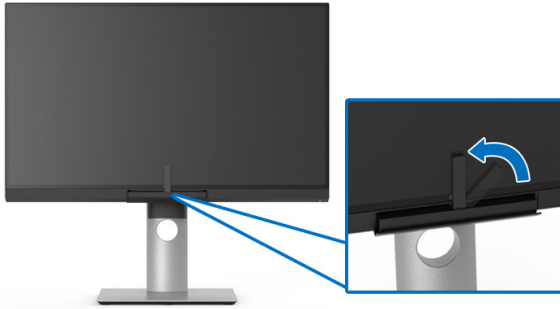
1. Nhấn bất kỳ nút **Chức năng** để hiển thị các phím tắt.
2. Nhấn nút .



### 3. Thông báo sau xuất hiện, chọn **Yes (Có)** để tiếp tục quá trình.



#### 4. Hiệu chuẩn sẽ tự động bắt đầu.



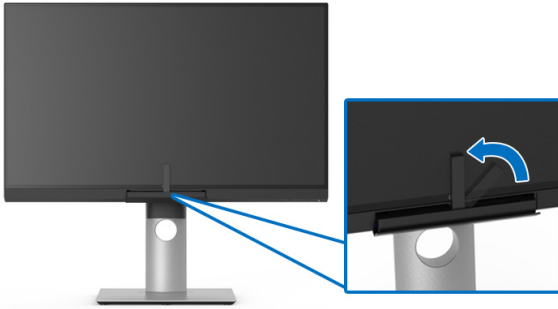
#### Sử dụng Phím tắt không có tín hiệu video


Bạn có thể thực hiện hiệu chuẩn cho màn hình mà không cần lấy tín hiệu đầu vào từ máy tính.


1. Nhấn bất kỳ nút **Chức năng** để hiển thị các phím tắt.
2. Nhấn nút .



### 3. Hiệu chuẩn sẽ tự động bắt đầu.



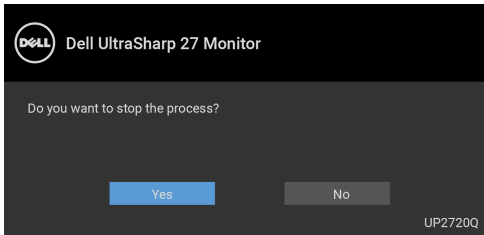
 **LƯU Ý:** Calibration (Hiệu chuẩn) ở Chế độ chân dung không được khuyến nghị.

 **LƯU Ý:** Để biết chức năng chi tiết, xem [Calibration \(Hiệu chuẩn\)](#).

### Dừng quá trình hiệu chuẩn

Bạn có thể dừng quá trình hiệu chuẩn bất cứ lúc nào.

1. Trong quá trình hiệu chuẩn, việc nhấn nút **Chức năng** sẽ khiến thông báo sau xuất hiện.



2. Chọn **Yes (Có)** để dừng quy trình.

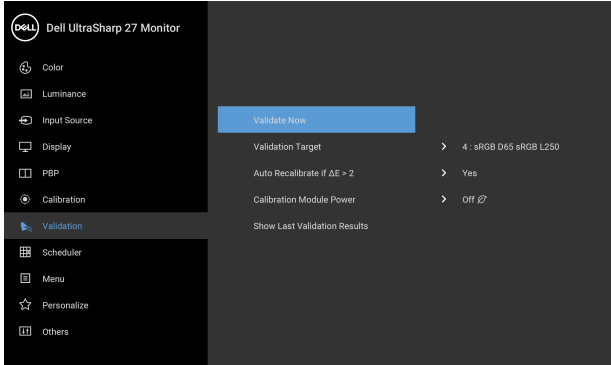


# Thực hiện xác thực màu

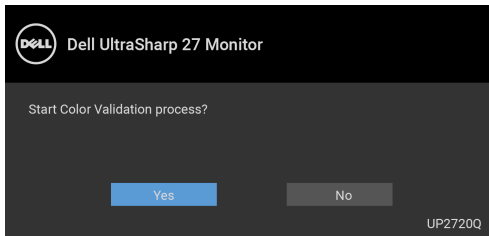
Thực hiện **Validation (Xác thực)** hiệu chuẩn màu với máy đo màu tích hợp.

## Sử dụng menu OSD

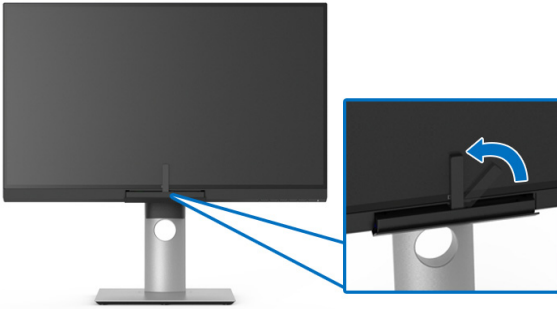
1. Sử dụng menu OSD, đặt tiêu chí xác thực dựa trên sở thích của bạn. Sau đó chọn **Validate Now (Xác thực ngay)** để bắt đầu quá trình xác thực.



2. Thông báo sau xuất hiện, chọn **Yes (Có)** để tiếp tục quá trình.



### 3. Xác thực sẽ bắt đầu tự động.



### Sử dụng phím tắt không có tín hiệu video

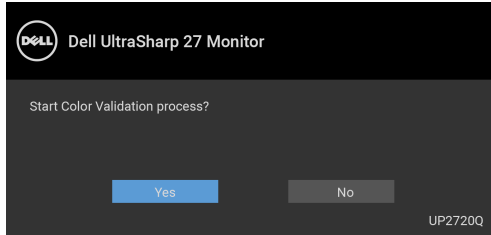
Bạn có thể thực hiện xác thực cho màn hình mà không cần lấy tín hiệu đầu vào từ máy tính.


1. Nhấn bất kỳ nút **Chức năng** để hiển thị các phím tắt.
2. Nhấn nút .





3. Thông báo sau xuất hiện, chọn **Yes (Có)** để tiếp tục quá trình.



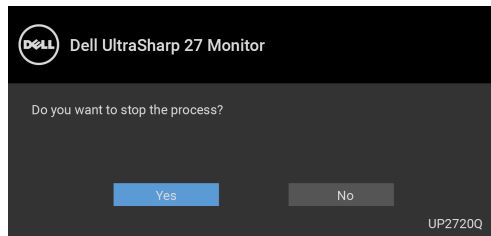
 **LƯU Ý: Validation (Xác thực) ở Chế độ cân dung không được khuyến nghị.**

 **LƯU Ý: Để biết chức năng chi tiết, xem [Validation \(Xác thực\)](#).**

## Dừng Quá trình xác thực

Bạn có thể dừng quá trình xác thực bất cứ lúc nào.

1. Trong quá trình xác thực, việc nhấn nút **Chức năng** sẽ khiến thông báo sau xuất hiện.



2. Chọn **Yes (Có)** để dừng quy trình.

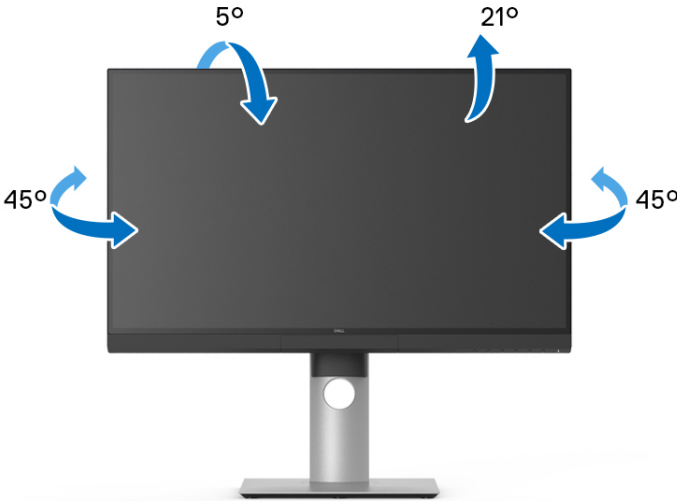


## Sử dụng Nghiêng, Xoay và Kéo Thẳng

**LƯU Ý:** Việc này được áp dụng cho màn hình có chân đế. Khi mua chân đế loại khác, hãy tham khảo hướng dẫn lắp đặt chân đế tương ứng để biết hướng dẫn lắp đặt.

### Nghiêng, Xoay

Với chân đế được lắp vào màn hình, bạn có thể nghiêng và xoay màn hình để có góc nhìn thoải mái nhất.

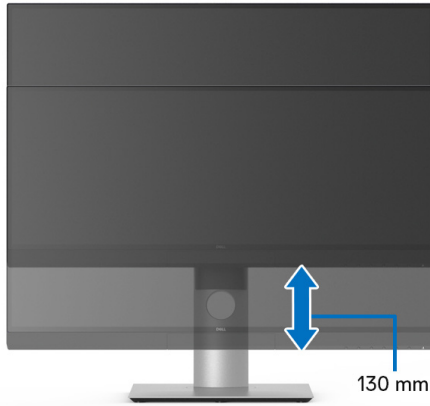


**LƯU Ý:** Chân đế được tháo ra khi vận chuyển màn hình từ nhà máy.



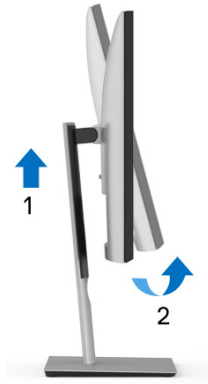
## Kéo Thẳng

 **LƯU Ý:** Chân đế kéo thẳng đến 130 mm. Hình dưới đây minh họa cách kéo thẳng chân đế.



## Xoay màn hình

Trước khi xoay màn hình, phải kéo thẳng màn hình hoàn toàn (**Kéo Thẳng**) và nghiêng hoàn toàn để tránh va vào cạnh dưới của màn hình.



**Xoay theo chiều kim đồng hồ**



**Xoay ngược chiều kim đồng hồ**



# Khắc phục sự cố

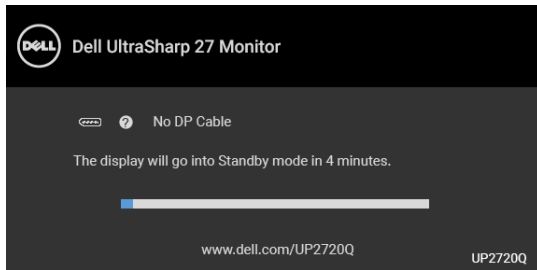
**⚠ CẢNH BÁO:** Trước khi bắt đầu bất kỳ quy trình nào trong phần này, hãy làm theo [Hướng Dẫn Về An Toàn](#).

## Tự kiểm tra

Màn hình của bạn có tính năng tự kiểm tra cho phép bạn kiểm tra xem màn hình của bạn có hoạt động tốt hay không. Nếu màn hình và máy tính của bạn được kết nối đúng cách nhưng màn hình vẫn tối, chạy tự kiểm tra màn hình bằng cách thực hiện các bước sau:

1. Tắt cả máy tính và màn hình.
2. Ngắt kết nối cáp video khỏi phía sau máy tính.
3. Bật màn hình.

Hộp thoại nổi sẽ xuất hiện trên màn hình (trên nền đen), nếu màn hình không nhận biết được tín hiệu video và đang hoạt động tốt. Trong khi ở chế độ tự kiểm tra, đèn LED vẫn có màu trắng. Ngoài ra, tùy thuộc vào đầu vào được chọn, hộp thoại được hiển thị dưới đây sẽ tiếp tục cuộn qua màn hình.



**✎ LƯU Ý:** Thông báo này có thể hơi khác tùy theo tín hiệu đầu vào được kết nối.

4. Hộp này cũng xuất hiện trong khi hệ thống hoạt động bình thường, nếu cáp video bị ngắt kết nối hoặc bị hỏng.
5. Tắt màn hình của bạn và kết nối lại cáp video; sau đó bật cả máy tính và màn hình.

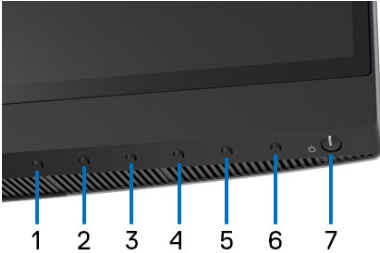
Nếu màn hình của bạn vẫn trống sau khi đã sử dụng các bước trước đó, hãy kiểm tra bộ điều khiển video và máy tính, do màn hình của bạn vẫn hoạt động tốt.



## Chẩn đoán tích hợp

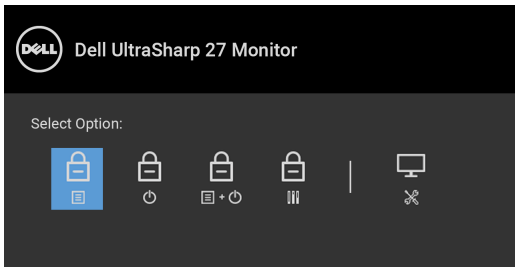
Màn hình của bạn có công cụ chẩn đoán tích hợp giúp xác định sự bất thường của màn hình đang gặp phải là do vấn đề của màn hình, hoặc do máy tính và cáp video.



**LƯU Ý:** Bạn có thể chạy chẩn đoán tích hợp chỉ khi cáp video được rút bỏ và màn hình đang ở chế độ tự kiểm tra.

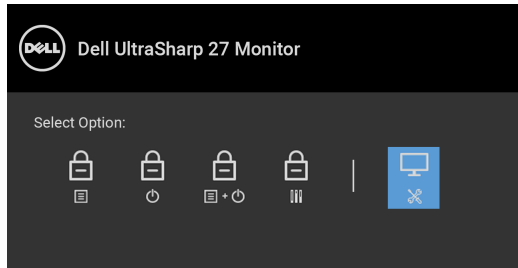


Để chạy chẩn đoán tích hợp:

1. Đảm bảo màn hình sạch sẽ (không có bụi trên bề mặt màn hình).
2. Ngắt kết nối (các) cáp video khỏi phía sau máy tính hoặc màn hình. Khi đó màn hình sẽ vào chế độ tự kiểm tra.
3. Đồng thời nhấn và giữ **Nút 6** trên bảng điều khiển phía trước trong 4 giây, thông báo sau sẽ xuất hiện.



4. Nhấn nút  để tô sáng biểu tượng Chẩn đoán, sau đó nhấn nút  và một màn hình màu xám xuất hiện.



5. Careful kiểm tra bất thường của màn hình.
6. Nhấn lại vào **Nút 1** trên bảng điều khiển phía trước. Màu màn hình đổi sang màu đỏ.
7. Kiểm tra bất thường của màn hình hiển thị.
8. Lặp lại bước 6 và 7 để kiểm tra màn hình hiển thị trong màn hình màu xanh lá cây, xanh dương, đen, trắng và màn hình văn bản.

Việc kiểm tra hoàn tất khi màn hình văn bản xuất hiện. Để thoát, nhấn lại **Nút 1**. Nếu bạn không phát hiện bất kỳ bất thường nào ở màn hình khi sử dụng công cụ chẩn đoán tích hợp, thì màn hình vẫn hoạt động tốt. Kiểm tra các màn hình và máy tính.

## Sạc Luôn bật USB Type-C (Thunderbolt™)

Màn hình cho phép bạn sạc máy tính xách tay hoặc thiết bị di động qua cáp Thunderbolt™ 3 Active ngay cả khi màn hình tắt. Xem [USB-C Charging \(Sạc USB- C\)](#) để biết thêm thông tin. Bạn có thể cần cập nhật lên vi chương trình mới nhất để tính năng này hoạt động bình thường.

Bạn có thể xác minh bản sửa đổi vi chương trình hiện tại trong [Firmware \(Phần mềm\)](#). Nếu điều này không có sẵn, hãy truy cập trang web hỗ trợ tài xuống của Dell để lấy bộ cài ứng dụng mới nhất (**Monitor Firmware Update Utility.exe**) và tham khảo Hướng Dẫn Sử Dụng Hướng dẫn cập nhật vi chương trình: [www.dell.com/UP2720Q](http://www.dell.com/UP2720Q)



## Các vấn đề phổ biến

Bảng sau có các thông tin chung về các vấn đề bạn thường gặp phải với màn hình và các giải pháp có thể áp dụng:

Các Triệu Chứng Thường Gặp	Vấn Đề Bạn Gặp Phải	Giải Pháp Có Thể Áp Dụng
Không có video / đèn LED nguồn tắt	Không có ảnh	<ul style="list-style-type: none"><li>• Đảm bảo cáp video nối màn hình và máy tính được nối chặt và đúng cách.</li><li>• Đảm bảo ổ cắm điện hoạt động tốt bằng cách sử dụng thiết bị điện khác.</li><li>• Đảm bảo nút nguồn được nhấn hết cỡ.</li><li>• Đảm bảo phải chọn đúng nguồn vào qua menu <b>Input Source (Nguồn Đầu Vào)</b>.</li></ul>
Không có video / đèn LED nguồn bật	Không có ảnh hoặc không có độ sáng	<ul style="list-style-type: none"><li>• Tăng điều khiển độ sáng và độ tương phản qua OSD.</li><li>• Tiến hành kiểm tra tính năng tự kiểm tra màn hình.</li><li>• Kiểm tra chân đầu nối cáp video xem có bị cong hoặc hỏng không.</li><li>• Chạy chẩn đoán tích hợp.</li><li>• Đảm bảo phải chọn đúng nguồn vào qua menu <b>Input Source (Nguồn Đầu Vào)</b>.</li></ul>
Lấy Nét Kém	Hình ảnh bị mờ, lóa hoặc bóng mờ	<ul style="list-style-type: none"><li>• Bỏ các cáp video nối dài.</li><li>• Đặt lại màn hình về cài đặt gốc.</li><li>• Thay đổi độ phân giải video về đúng tỷ lệ khung hình.</li></ul>
Video bị rung/động	Ảnh lượn sóng hoặc chuyển động nhẹ	<ul style="list-style-type: none"><li>• Đặt lại màn hình về cài đặt gốc.</li><li>• Kiểm tra các yếu tố môi trường.</li><li>• Đặt lại vị trí màn hình và thử ở phòng khác.</li><li>• Màn hình Dell được thiết kế để hoạt động tối ưu với đi kèm trong hộp của Dell Dell không đảm bảo chất lượng và hiệu suất video khi sử dụng cáp không phải của Dell.</li></ul>





Thiếu Điểm Ảnh	Màn hình LCD có các đốm	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tắt-bật lại nguồn.</li> <li>Điểm ảnh mà bị tắt vĩnh viễn là khiếm khuyết tự nhiên có thể xảy ra trong công nghệ LCD.</li> <li>Để biết thêm thông tin về Chính Sách Điểm Ảnh Và Chất Lượng Màn Hình LCD, xem trang web Hỗ trợ Dell tại: <a href="http://www.dell.com/support/monitors">http://www.dell.com/support/monitors</a>.</li> </ul>
Điểm ảnh bị bám	Màn hình LCD có các đốm sáng	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tắt-bật lại nguồn.</li> <li>Điểm ảnh mà bị tắt vĩnh viễn là khiếm khuyết tự nhiên có thể xảy ra trong công nghệ LCD.</li> <li>Để biết thêm thông tin về Chính Sách Điểm Ảnh Và Chất Lượng Màn Hình LCD, xem trang web Hỗ trợ Dell tại: <a href="http://www.dell.com/support/monitors">http://www.dell.com/support/monitors</a>.</li> </ul>
Vấn Đề Về Độ Sáng	Ảnh mờ hoặc quá sáng	<ul style="list-style-type: none"> <li>Đặt lại màn hình về cài đặt gốc.</li> <li>Điều chỉnh điều khiển độ sáng và độ tương phản qua OSD.</li> </ul>
Méo Hình	Màn hình không được cân giữa chính xác	<ul style="list-style-type: none"> <li>Đặt lại màn hình về cài đặt gốc.</li> <li>Điều chỉnh điều khiển ngang và dọc qua OSD.</li> </ul>
Đường Kẻ Ngang/Dọc	Màn hình có một hoặc nhiều đường kẻ	<ul style="list-style-type: none"> <li>Đặt lại màn hình về cài đặt gốc.</li> <li>Tiến hành kiểm tra tính năng tự kiểm tra màn hình và xác định xem các đường kẻ này có trong chế độ tự kiểm tra không.</li> <li>Kiểm tra chân đầu nối cáp video xem có bị cong hoặc hỏng không.</li> <li>Chạy chẩn đoán tích hợp.</li> </ul>



Vấn Đề Về Đồng Bộ	Màn hình bị xô lệch hoặc có vẻ như bị rách	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Đặt lại màn hình về cài đặt gốc.</li> <li>• Tiến hành kiểm tra tính năng tự kiểm tra màn hình để xác định xem màn hình xô lệch có xuất hiện trong chế độ tự kiểm tra không.</li> <li>• Kiểm tra chân đầu nối cáp video xem có bị cong hoặc hỏng không.</li> <li>• Khởi động lại máy tính trong <i>chế độ an toàn</i>.</li> </ul>
Các Vấn Đề Liên Quan Đến An Toàn	Dấu hiệu có thể nhìn thấy khói hoặc lửa	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Không thực hiện bất kỳ bước xử lý sự cố nào.</li> <li>• Liên hệ với Dell ngay.</li> </ul>
Các Vấn Đề Chập Chờn	Chập chờn khi bật và tắt màn hình	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Đảm bảo cáp video nối màn hình và máy tính được nối chặt và đúng cách.</li> <li>• Đặt lại màn hình về cài đặt gốc.</li> <li>• Tiến hành kiểm tra tính năng tự kiểm tra màn hình để xác định xem các vấn đề chập chờn có xuất hiện trong chế độ tự kiểm tra không.</li> </ul>
Thiếu Màu	Ảnh thị thiếu màu	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Tiến hành kiểm tra tính năng tự kiểm tra màn hình.</li> <li>• Đảm bảo cáp video nối màn hình và máy tính được nối chặt và đúng cách.</li> <li>• Kiểm tra chân đầu nối cáp video xem có bị cong hoặc hỏng không.</li> </ul>
Sai Màu	Màu ảnh không tốt	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Thay đổi cài đặt của <b>Preset Modes (Chế Độ Cài Đặt Trước)</b> trong OSD menu <b>Color (Màu)</b> tùy thuộc vào ứng dụng.</li> <li>• Điều chỉnh giá trị R/G/B trong <b>Custom Color (Màu Tùy Chỉnh)</b> trong OSD menu <b>Color (Màu)</b>.</li> <li>• Thay đổi <b>Input Color Format (Định Dạng Màu Vào)</b> sang PC RGB hoặc YPbPr trong OSD menu <b>Color (Màu)</b>.</li> <li>• Chạy chẩn đoán tích hợp.</li> </ul>



Lưu ảnh từ ảnh tĩnh còn lại trên màn hình trong một thời gian dài	Bóng mờ từ ảnh tĩnh hiển thị xuất hiện trên màn hình	<ul style="list-style-type: none"> <li>Đặt màn hình sang tắt khi màn hình có thời gian không hoạt động sau vài phút. Có thể điều chỉnh trong phần Tùy chọn nguồn của máy Windows hoặc Tiết kiệm Năng lượng của máy Mac.</li> <li>Ngoài ra, sử dụng bộ bảo vệ màn hình tự động thay đổi.</li> </ul>
Bóng mờ	Ảnh chuyển động nhanh sẽ để lại vết bóng mờ	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thay đổi Thời Gian Phản Hồi trong menu <b>Display (Hiển Thị)</b>.</li> </ul>

## Vấn Đề Cụ Thể Theo Sản Phẩm

Triệu Chứng Cụ Thể	Vấn Đề Bạn Gặp Phải	Giải Pháp Có Thể Áp Dụng
Hình ảnh màn hình quá nhỏ	Hình ảnh được căn giữa vào màn hình, nhưng không phủ khắp khu vực xem	<ul style="list-style-type: none"> <li>Kiểm tra cài đặt <b>Aspect Ratio (Tỷ Lệ Khung Hình)</b> trong OSD menu <b>Display (Hiển Thị)</b>.</li> <li>Đặt lại màn hình về cài đặt gốc.</li> </ul>
Không thể điều chỉnh màn hình với các nút trên bảng điều khiển phía trước	OSD không xuất hiện trên màn hình	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tắt màn hình, rút dây nguồn, cắm lại, rồi bật lại màn hình.</li> <li>Kiểm tra xem menu OSD có bị khóa không. Nếu có, nhấn và giữ nút chức năng/Menu cạnh nút Nguồn trong 4 giây để mở khóa (để biết thêm thông tin, xem <b>Lock (Khóa)</b>).</li> </ul>
Không có Tín Hiệu Vào khi nhấn các điều khiển người dùng	Không có hình ảnh, đèn LED sáng trắng	<ul style="list-style-type: none"> <li>Kiểm tra nguồn tín hiệu. Đảm bảo máy tính không ở chế độ tiết kiệm điện năng bằng cách di chuyển chuột hoặc nhấn phím bất kỳ trên bàn phím.</li> <li>Kiểm tra xem cáp tín hiệu có được cắm đúng không. Cắm lại cáp tín hiệu nếu cần.</li> <li>Khởi động lại máy tính hoặc đầu video.</li> </ul>



Hình ảnh không lấp đầy toàn bộ màn hình	Hình ảnh không lấp đầy chiều cao hoặc chiều rộng của màn hình	<ul style="list-style-type: none"> <li>Do các định dạng video khác nhau (tỷ lệ khung hình) của đĩa DVD, màn hình có thể hiển thị toàn màn hình.</li> <li>Chạy chẩn đoán tích hợp.</li> </ul>
Không có video ở chế độ PBP ở cổng HDMI khi phát nội dung phim	Khi được kết nối với một số thiết bị cắm ở cổng HDMI, không có video ở chế độ PBP sau khi màn hình được tắt và sau đó bật lại.	<ul style="list-style-type: none"> <li>Rút / cắm cáp HDMI khỏi đầu ra của thiết bị cắm.</li> </ul>
Không có video ở cổng HDMI	Khi được kết nối với một số thiết bị cắm ở cổng HDMI, không có video khi rút / cắm cáp Thunderbolt™ khỏi Notebook.	<ul style="list-style-type: none"> <li>Rút cáp HDMI khỏi thiết bị cắm, sau đó cắm cáp Thunderbolt™ vào Notebook. Cắm cáp HDMI sau 7 giây.</li> </ul>



## Vấn Đề Cụ Thể Với Cổng Kết Nối Đa Dụng (USB)

Triệu Chứng Cụ Thể	Vấn Đề Bạn Gặp Phải	Giải Pháp Có Thể Áp Dụng
Cổng USB không hoạt động	Thiết bị ngoại vi USB không hoạt động	<ul style="list-style-type: none"><li>• Rút / cắm cáp Thunderbolt™ 3 Active.</li><li>• Kiểm tra để màn hình của bạn đã được bật.</li><li>• Kết nối lại cáp Thunderbolt™ 3 Active vào máy tính.</li><li>• Kết nối các thiết bị ngoại vi USB (kết nối thiết bị ngoại vi).</li><li>• Tắt rồi bật lại màn hình.</li><li>• Khởi động lại máy tính.</li><li>• Một số thiết bị USB như ổ HDD di động gắn ngoài đòi hỏi có dòng điện cao hơn; kết nối thiết bị trực tiếp vào hệ thống máy tính.</li></ul>
Cổng Thunderbolt™ 3 không cấp nguồn	Không thể nạp nguồn cho thiết bị ngoại vi USB	<ul style="list-style-type: none"><li>• Kiểm tra để thiết bị kết nối tuân thủ với thông số kỹ thuật của Thunderbolt™ 3. Cổng Thunderbolt™ 3 hỗ trợ USB 3.1 với tốc độ lên đến 10 Gbps và công suất 90 W.</li><li>• Kiểm tra để bạn sử dụng cáp Thunderbolt™ 3 đi kèm với màn hình của bạn.</li></ul>



<p>Không có video khi sử dụng kết nối Thunderbolt™ 3 sau khi Bật/Tắt DC, đánh thức từ Chế độ chờ</p>	<p>Hình ảnh không hiển thị</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Rút / cắm cáp Thunderbolt™ 3 Active.</li> <li>• Kiểm tra để thiết bị kết nối tuân thủ với thông số kỹ thuật của Thunderbolt™ 3.</li> <li>• Kiểm tra xem cáp Thunderbolt™ 3 Active có được kết nối từ máy tính với cổng kết nối máy tính USB-C trên màn hình hay không.</li> <li>• Sử dụng cáp Thunderbolt™ 3 Active được cung cấp cùng với màn hình.</li> <li>• Trong Windows, nhấp vào biểu tượng Thunderbolt™ trong khay hệ thống Windows (nằm ở góc dưới cùng bên phải của màn hình). Trong phần Phê duyệt thiết bị Thunderbolt, hãy chọn “Always Connect” (Luôn kết nối) cho màn hình này.</li> </ul>
<p>Không có video khi sử dụng kết nối USB-C DP Chế độ thay thế sau khi Bật/Tắt DC, đánh thức từ Chế độ chờ</p>	<p>Hình ảnh không hiển thị</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Rút/cắm cáp USB-C.</li> <li>• Màn hình được trang bị cáp Thunderbolt™ 3 Active. Cáp này không hoạt động với nguồn Chế độ thay thế USB-C DP. Nếu bạn đang sử dụng máy tính có kết nối Chế độ thay thế USB-C DP, vui lòng mua cáp ngoài USB-C DP.</li> </ul>
<p>Cổng USB 3.2 tốc độ cao bị chậm</p>	<p>Thiết bị ngoại vi USB 3.2 tốc độ cao chạy chậm hoặc không chạy chút nào</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Kiểm tra xem máy tính của bạn có chạy được USB 3.2 không.</li> <li>• Một số máy tính có các cổng USB 3.1, USB 3.0, USB 2.0, và USB 1.1. Đảm bảo sử dụng đúng cổng USB.</li> <li>• Kết nối lại cáp kết nối máy tính vào máy tính.</li> <li>• Kết nối các thiết bị ngoại vi USB (kết nối thiết bị ngoại vi).</li> <li>• Khởi động lại máy tính.</li> </ul>



---

Chuột không  
dây không hoạt  
động hoặc bị trễ

Không đáp  
ứng hoặc  
đáp ứng  
chậm

- Tăng khoảng cách giữa các thiết bị ngoại vi USB và bộ nhận USB không dây.
  - Đặt bộ thu USB không dây của bạn càng gần với chuột không dây càng tốt.
  - Sử dụng cáp USB mở rộng để đặt bộ thu USB không dây càng xa cổng USB 3.2 càng tốt.
- 



# Phụ lục

## CẢNH BÁO: Hướng Dẫn Về An Toàn

**⚠ CẢNH BÁO:** Sử dụng điều khiển, điều chỉnh, hoặc các bước ngoài những nội dung được quy định trong tài liệu này có thể dẫn đến bị điện giật, nguy cơ về điện, và/hoặc các mối nguy hiểm cơ học khác.

Để biết thông tin về hướng dẫn an toàn, xem Thông tin về an toàn, Môi trường và Quy định (SERI).

## Thông Báo FCC (Chỉ U.S) Và Thông Tin Quy Định Khác

Đối với các thông báo FCC và thông tin quy định khác, xem trang web tuân thủ quy định tại [www.dell.com/regulatory\\_compliance](http://www.dell.com/regulatory_compliance).

## Liên hệ với Dell

Đối với khách hàng ở Hoa Kỳ, gọi 800-WWW-DELL (800-999-3355).

**✍ LƯU Ý:** Nếu bạn không có kết nối Internet, bạn có thể tìm thông tin liên lạc trên hóa đơn mua hàng, phiếu đóng gói, hóa đơn, hoặc danh mục sản phẩm Dell.

Dell cung cấp một số lựa chọn dịch vụ và hỗ trợ qua điện thoại và trực tuyến. Sự sẵn có thay đổi theo quốc gia và sản phẩm, và một số dịch vụ có thể không có trong khu vực của bạn.

- Hỗ trợ kỹ thuật trực tuyến — [www.dell.com/support/monitors](http://www.dell.com/support/monitors)
- Liên hệ Dell — [www.dell.com/contactdell](http://www.dell.com/contactdell)

## Cơ sở dữ liệu bảng thông tin sản phẩm và nhãn năng lượng của sản phẩm EU

UP2720Q: <https://eprel.ec.europa.eu/qr/344193>





## Hỗ trợ video và USB qua USB-C

Độ phân giải video và khả năng sử dụng USB khi kết nối với màn hình qua USB-C.

Kết nối trên máy tính chính	Sử dụng cáp kết nối máy tính (Máy tính chính sang cổng màn hình 6-1)	Video		USB		
		4K (Kết nối trực tiếp)	4K (chuỗi kết nối liên tiếp)	Thiết bị TBT3 được kết nối với TBT3 kết nối thiết bị ngoại vi (Cổng màn hình 6-2)	Thiết bị USB-C được kết nối với TBT3 kết nối thiết bị ngoại vi (Cổng màn hình 6-2)	Thiết bị USB được kết nối với USB-A kết nối thiết bị ngoại vi (Cổng màn hình 7-1 đến 7-4)
USB-A	USB A-to-C*	Không	Không	Không	USB2.0	USB2.0/ 3.2
USB-C (Chỉ dữ liệu)	USB-C MFDP	Không	Không	Không	USB2.0	USB2.0/ 3.2
	TBT3 Thụ động	Không	Không	Không	USB2.0	USB2.0/ 3.2
	TBT3 Chủ động*	Không	Không	USB2.0	USB2.0	USB2.0
USB-C (MFDP)	USB-C MFDP	Có	Không	Không	USB2.0	USB2.0
	TBT3 Thụ động	Có	Không	Không	USB2.0	USB2.0
	TBT3 Chủ động*	Không	Không	USB2.0	USB2.0	USB2.0
TBT3	USB-C MFDP	Có	Không	Không	USB2.0	USB2.0/ 3.2
	TBT3 Thụ động	Có	Không	Có	USB2.0	USB2.0/ 3.2
	TBT3 Chủ động*	Có	Có	Có	USB2.0	USB2.0/ 3.2

\*Cáp đi kèm màn hình.

 LƯU Ý: TBT3 là viết tắt của Thunderbolt™ 3.


 LƯU Ý: Tham khảo [Nhìn Từ Dưới](#) về chỉ định cổng màn hình.



 **LƯU Ý:** Tham khảo [Kết nối màn hình có chức năng Truyền Phát Đa Luồng Thunderbolt™ \(MST\)](#) về kết nối chuỗi liên tiếp.

## Mua cáp Thunderbolt™ 3 Passive

Khu vực	Liên kết
Trang web Dell	<a href="https://www.dell.com/en-us/shop/accessories/apd/a9905599">https://www.dell.com/en-us/shop/accessories/apd/a9905599</a>
	<a href="https://www.dell.com/en-us/shop/accessories/apd/a9905597">https://www.dell.com/en-us/shop/accessories/apd/a9905597</a>
	<a href="https://www.dell.com/en-us/shop/accessories/apd/a9269731">https://www.dell.com/en-us/shop/accessories/apd/a9269731</a>
Hoa Kỳ	<a href="https://www.belkin.com/us/p/P-F2CD081/">https://www.belkin.com/us/p/P-F2CD081/</a>
EMEA	<a href="https://www.delock.com/produkte/G_84846/merkmale.html/">https://www.delock.com/produkte/G_84846/merkmale.html/</a>
	<a href="https://www.hama.cz/hama-kabel-thunderbolt-3-usb-c-typ-c-vidlice--vidlice-20-gb-s-100-w-1-m/">https://www.hama.cz/hama-kabel-thunderbolt-3-usb-c-typ-c-vidlice--vidlice-20-gb-s-100-w-1-m/</a>
	<a href="https://www.lindy-international.com/Thunderbolt-3-Cable-2m.htm?websale8=ld0101.ld020102&amp;pi=41557">https://www.lindy-international.com/Thunderbolt-3-Cable-2m.htm?websale8=ld0101.ld020102&amp;pi=41557</a>
Châu Á	<a href="https://www.lindy.com.tw/ecommerce/cable-adapter/thunderbolt3/41557.html">https://www.lindy.com.tw/ecommerce/cable-adapter/thunderbolt3/41557.html</a>

 **LƯU Ý:** Các liên kết chỉ dành cho mục đích tham khảo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

